



**QUY ĐỊNH VỀ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REGULATIONS ON REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 008./2023/QTNV/TGD/YSVN ngày 16/02/2023 của Tổng Giám đốc Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chứng Khoán Yuanta Việt Nam)  
(Promulgated together with this Decision No.: 008./2023/QTNV/TGD/YSVN dated 16/02/2023 of the Chief Executive Officer of Yuanta Securities Vietnam Limited Company)

Số/No.: 002./2023/QT-YSVN

**Thành phần soạn thảo/Creators**

	STT	Họ và tên	Phòng ban/ Chức danh
Người soạn thảo <i>Writer</i>	1	Văn Thị Kiều Trinh	Pháp chế - Tuân thủ <i>Legal - Compliance</i>
Người kiểm tra <i>Editor</i>	1	Huỳnh Ngọc Duyên	Pháp chế - Tuân thủ <i>Legal - Compliance</i>
Người góp ý <i>Contributor</i>	1	Lê Danh Thủ	Kiểm soát nội bộ <i>Internal Control</i>
	2	Nguyễn Thị Kim Tuyết	Hành chính – Nhân sự <i>Human Resource &amp; Administration</i>
	3	Bùi Đình Vinh	Kế toán – Tài chính <i>Finance &amp; Accountant</i>
	4	Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Nghiệp vụ <i>Operation</i>
	5	Huỳnh Thị Hoàng Anh	Quản trị rủi ro <i>Risk &amp; Credit</i>
	6	Nguyễn Văn Bửu	Giải pháp công nghệ <i>Technology Service</i>
	7	Nguyễn Thị Thùy Dương	Ngân hàng đầu tư <i>Investment Banking</i>
	8	Nguyễn Thế Minh	Nghiên cứu – Phân tích



			<i>Retail Research</i>
	9	Phan Thị Thanh Thúy	Kiểm toán nội bộ <i>Internal Audit</i>
Người phê duyệt <i>Approver</i>	1	Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc <i>Chief Executive Officer</i>

**Tóm tắt lần ban hành/ sửa đổi**

*Summary of Issues, Revisions*

STT <i>No</i>	Ngày hiệu lực <i>Effective date</i>	Nội dung thay đổi <i>Amended Content</i>	Lần ban hành/ sửa đổi <i>Time of amendment</i>	Người phê duyệt <i>Approver</i>
1	06/04/2021	Ban hành lần đầu <i>The first promulgation</i>	00	Ông Lê Minh Tâm
2	29/04/2022	Bổ sung, sửa đổi <i>First amendment</i>	01	Ông Nguyễn Thanh Tùng
3	16/02/2023	Cập nhật Phụ lục 01 theo quy định tại nội dung Quy định này <i>Update Appendix 01 according to the provisions of this Regulation</i>  Bổ sung báo cáo định kỳ sau: <i>Add the periodic reports:</i>  - Báo cáo tình hình môi giới và tự doanh chứng khoán niêm yết kỳ báo cáo tuần	02	Ông Nguyễn Thanh Tùng



	<p><i>The report on brokerage and proprietary self-trading of listed securities for the weekly basis</i></p> <p>- Báo cáo của Đại diện người sở hữu trái phiếu</p> <p><i>The report of the Representative of the bondholder</i></p> <p>Bổ sung báo cáo bất thường sau:</p> <p><i>Add the extraordinary reports:</i></p> <p>- Báo cáo liên quan đến khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn</p> <p><i>The report related to customers who are insiders, related people of insiders, or major shareholders</i></p> <p>- Báo cáo về phòng, chống rửa tiền</p> <p><i>AML Report</i></p>		
--	--	--	--

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	6
Điều 1. Phạm Vi Và Đối Tượng .....	6
Điều 2. Mục Đích .....	6
Điều 3. Cơ Sở Pháp Lý Và Tài Liệu Tham Khảo.....	6
Điều 4. Viết Tắt, Giải Thích Từ Ngữ.....	11
Điều 5. Nguyên Tắc Công Bố Thông Tin Và Báo Cáo .....	14
Điều 6. Phương Tiện Công Bố Thông Tin Và Báo Cáo.....	16
Điều 7. Hình Thức Công Bố Thông Tin Và Báo Cáo.....	17
<b>CHƯƠNG II: NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	19
Điều 8. Người Công Bố Thông Tin.....	19
Điều 9. Thay Đổi Người Công Bố Thông Tin.....	20
Điều 10. Vai Trò Và Trách Nhiệm Của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên.....	21
Điều 11. Vai Trò Và Trách Nhiệm Của Người Được Ủy Quyền Báo Cáo - CBTT .....	21
Điều 12. Vai Trò, Trách Nhiệm Và Quyền Hạn Của Phòng Pháp Chế - Tuân Thủ .....	22
Điều 13. Trách Nhiệm Của Các Phòng Ban Cung Cấp Thông Tin.....	24
Điều 14. Vai Trò Và Trách Nhiệm Của Bộ Phận Thực Hiện Gửi Báo Cáo, CBTT.....	25
<b>CHƯƠNG III: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO</b> .....	27
<b>MỤC I. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY</b> .....	27
Điều 15. Công Bố Thông Tin Định Kỳ.....	27
Điều 16. Công Bố Thông Tin Bất Thường.....	30
Điều 17. Công Bố Thông Tin Theo Yêu Cầu .....	30
Điều 18. Công Bố Thông Tin Khác .....	30
<b>MỤC II. NỘI DUNG BÁO CÁO CỦA CÔNG TY</b> .....	32
Điều 19. Báo Cáo Định Kỳ .....	32
Điều 20. Báo Cáo Bất Thường .....	44
Điều 21. Báo Cáo Theo Yêu Cầu.....	51
<b>CHƯƠNG IV: QUY TRÌNH XỬ LÝ, BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN</b> .....	52
Điều 22. Sơ Đồ Quy Trình Báo Cáo/Công Bố Thông Tin.....	52
Điều 23. Chuẩn Bị Nội Dung Báo Cáo Và Thông Tin Công Bố .....	53
Điều 24. Tổng hợp, Kiểm Tra, Đối Chiếu Nội Dung Báo Cáo, CBTT .....	54





Điều 25. Phê Duyệt Nội Dung Báo Cáo, CBTT.....	54
Điều 26. Thực Hiện Gửi Báo Cáo, Công Bố Thông Tin.....	55
Điều 27. Lưu Trữ Tài Liệu Báo Cáo, Công Bố Thông Tin.....	56
Điều 28. Tạm Hoãn Và Bảo Lưu Chưa Công Bố Thông Tin.....	56
Điều 29. Cải Chính Công Bố Thông Tin.....	57
Điều 30. Xử Lý Vi Phạm Về Công Bố Thông Tin.....	57
Điều 31. Thực Hiện Báo Cáo, CBTT Trong Tình Huống Khẩn Cấp.....	57
<b>CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....</b>	<b>58</b>
Điều 32. Hiệu Lực Thi Hành.....	58
Điều 33. Sửa Đổi, Bổ Sung.....	58
Điều 34. Điều Khoản Chuyển Tiếp.....	59
PHỤ LỤC 01.....	60
PHỤ LỤC 02.....	67
PHỤ LỤC 03.....	74
PHỤ LỤC 04.....	79
PHỤ LỤC 05.....	81
PHỤ LỤC 06.....	82



**CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG  
CHAPTER I - GENERAL PROVISIONS**

**Điều 1. Phạm Vi Và Đối Tượng  
Article 1. Scope and Subject**

1. Quy định về báo cáo và công bố thông tin của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Yuanta Việt Nam quy định việc tổ chức, thực hiện gửi các báo cáo và công bố thông tin tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Yuanta Việt Nam theo quy định của pháp luật.  
*Regulation on Reporting and Information Disclosure of Yuanta Securities Vietnam Limited Company stipulates the organization, submission of Reporting and Information Disclosure at Yuanta Securities Vietnam Limited Company by law.*
2. Đối tượng áp dụng thực hiện công bố thông tin và báo cáo theo Quy định này là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Yuanta Việt Nam.  
*The subject of Reporting and Information Disclosure in accordance with this Regulation is Yuanta Securities Vietnam Limited Company.*

**Điều 2. Mục Đích  
Article 2. Purposes**

Việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Quy định này nhằm công khai, báo cáo các hoạt động của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Yuanta Việt Nam theo quy định của pháp luật.  
*The Reporting and Information Disclosure in accordance with this Regulation is to publicize and report the activities of Yuanta Securities Vietnam Limited Company by law.*

**Điều 3. Cơ Sở Pháp Lý Và Tài Liệu Tham Khảo  
Article 3. Legal Basis and References**

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.  
*Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019*
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.  
*Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020*
3. Luật Phòng, chống rửa tiền số 07/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012.  
*Law on Prevention of Money Laundering No. 07/2012/QH13 dated June 18, 2012*
4. Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022.  
*Law on Prevention of Money Laundering No. 14/2022/QH15 dated November 15, 2022*



5. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.  
*Decree No. 158/2020/ND-CP dated December 31, 2020 on derivatives and derivative market*
6. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.  
*Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government on detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Securities*
7. Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.  
*Decree No. 153/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government on offering and trading corporate bonds issued in form of private placement in domestic market and offering corporate bonds in international market*
8. Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 09 năm 2022 sửa đổi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.  
*Decree No. 65/2022/ND-CP dated September 16, 2022 on amendments to Decree No. 153/2020/ND-CP on offering and trading corporate bonds issued in form of private placement in domestic market and offering corporate bonds in international market*
9. Nghị định số 82/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia.  
*Decree No. 82/2007/ND-CP dated May 23, 2007 of the Government on providing information to serve the formulation and administration of the national monetary policy*
10. Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.  
*Circular No. 122/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 guiding the information disclosure and reporting regimes under Decree No. 153/2020/ND-CP*
11. Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán.  
*Circular No. 121/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 providing regulations on operation of securities companies*
12. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.





*Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 guiding information disclosure on securities market*

13. Thông tư số 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.  
*Circular No. 95/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 guiding securities trading supervision on the securities market*
14. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.  
*Circular No. 91/2020/TT-BTC dated November 13, 2020 on prudential indicators and actions against securities-trading organizations that fail to achieve the prudential indicators*
15. Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 07 năm 2021 hướng dẫn Nghị định số 158/2020/NĐ-CP về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.  
*Circular No. 58/2021/TT-BTC dated July 12, 2021 guiding a number of articles of the Decree No. 158/2020/ND-CP of December 31, 2020 on derivatives and the derivatives market*
16. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2021 hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.  
*Circular No. 51/2021/TT-BTC dated June 30, 2021 guiding the obligations of institutions and individuals in foreign investment activities on the Vietnamese stock market*
17. Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2017 hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán.  
*Circular No. 134/2017/TT-BTC dated December 19, 2017 of Minister of Finance providing guidelines for e-transactions on securities market*
18. Thông tư số 03/2016/TT-NHNN ngày 26 tháng 02 năm 2016 hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.  
*Circular 03/2016/TT-NHNN dated February 26, 2016 on foreign exchange management for foreign borrowing and foreign debt repayment of enterprises*
19. Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 08 năm 2014 quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.  
*Circular No. 09/2014/TT-BTTTT dated August 19, 2014 on providing guidance on management, provision, and use of information on websites and social networking websites*





20. Văn bản hợp nhất số 40/VBHN/NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền.  
*Consolidated document No. 40/VBHN/NHNN dated November 29, 2019 guiding the implementation of a number of provisions on anti-money laundering*
21. Văn bản hợp nhất số 37/VBHN-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2020 hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán.  
*Consolidated document No. 37/VBHN-BTC dated September 18, 2020 guiding electronic trading on the securities market*
22. Quy chế thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-SGDVN ngày 20 tháng 01 năm 2022.  
*Regulation on membership of the Vietnam Stock Exchange issued together with Decision No. 01/QĐ-SGDVN by Vietnam Stock Exchange dated January 20, 2022*
23. Quy chế vận hành Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-SGDVN ngày 19 tháng 10 năm 2021.  
*Regulations on operating the corporate bond information page at the Hanoi Stock Exchange which is issued together with Decision No. 14/QĐ-SGDVN by Vietnam Stock Exchange dated October 19, 2021*
24. Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-SGDVN ngày 25 tháng 02 năm 2022.  
*Regulation on information technology system connecting transactions to Ho Chi Minh City Stock Exchange, Hanoi Stock Exchange is issued together with Decision No. 06/QĐ-SGDVN by Vietnam Stock Exchange dated February 25, 2022*
25. Quy chế thành viên giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 353/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 06 năm 2021.  
*Regulation on trading members at Ho Chi Minh Stock Exchange is issued together with Decision No. 353/QĐ-SGDHCM dated June 30, 2021*
26. Quy chế thành viên giao dịch thị trường niêm yết và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 07 năm 2019.  
*Regulation on trading members of listed market and upcom market at Hanoi Stock Exchange is issued together with the Decision No. 430/QĐ-SGDHN on July 03, 2019*
27. Quy chế thành viên giao dịch thị trường phái sinh tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 188/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 03 năm 2017.



*Regulation on trading members of derivatives market at Hanoi Stock Exchange issued together with Decision No. 188/QĐ-SGDHN dated March 24, 2017*

28. Quy định thành viên Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 112/QĐ-VSD ngày 23 tháng 08 năm 2021.  
*Regulations on membership of the Vietnam Securities Depository Center promulgated together with Decision No. 112/QĐ-VSD dated August 23, 2021*
29. Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con được ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021.  
*Regulation on Information Disclosure at the Stock Exchange of Vietnam and its subsidiaries is promulgated together with Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated December 21, 2021*
30. Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017 hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.  
*Decision No. 87/QĐ-UBCK dated January 25, 2017 guiding securities margin trading*
31. Quyết định số 525/QĐ-SGDHN ngày 18 tháng 08 năm 2015 về hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đến Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.  
*Decision No. 525/QĐ-SGDHN dated August 18, 2015 on information technology infrastructure connecting to Hanoi Stock Exchange*
32. Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 02 năm 2013 hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán.  
*Decision No. 105/QĐ-UBCK dated February 26, 2013 guiding the setting up and operation of the risk management system for securities companies*
33. Công văn số 60/UBGSTCQG-TTTTGS ngày 19 tháng 04 năm 2021 về việc cung cấp báo cáo cho Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia.  
*Dispatch No. 60/UBGSTCQG-TTTTGS dated April 19, 2021 on providing reports to the National Financial Supervisory Commission*
34. Công văn số 6226/NHNN-TTGSNH ngày 07 tháng 08 năm 2017 hướng dẫn thực hiện FATCA.  
*Dispatch No. 6226/NHNN-TTGSNH dated August 7, 2017 guiding the implementation of FATCA*
35. Công văn số 1712/UBCK-QLKD ngày 12 tháng 03 năm 2020 về việc báo cáo bất thường theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  
*Dispatch No. 1712/UBCK-QLKD dated March 12, 2020 on providing unusual reports at the request of the State Securities Commission*
36. Và các văn bản sửa đổi bổ sung.



*And its supplements and amendments*

**Điều 4. Viết Tắt, Giải Thích Từ Ngữ**

**Article 4. Abbreviation and Definitions**

1. Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

*In this Regulation, the following terms are construed as follows:*

- a) **“Công ty”** nghĩa là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Yuanta Việt Nam.  
**“Company”** means Yuanta Securities Vietnam Limited Company
- b) **“Quy định”** nghĩa là Quy định báo cáo và công bố thông tin này của Công ty và các sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm.  
**“Regulation”** means this Regulation on reports and disclosing information of the Company and its amendments and supplements (if any) from time to time
- c) **“Điều lệ”** nghĩa là điều lệ của Công ty và các sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm.  
**“Charter”** means the Charter of the Company and its amendments and supplements (if any) from time to time
- d) **“Người nội bộ”** nghĩa là thành viên Hội đồng thành viên; thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Người đại diện theo pháp luật, Thư ký công ty, Kiểm toán nội bộ, Người được ủy quyền công bố thông tin, Giám đốc chi nhánh.  
**“Insiders”** means a member of the Board of Members; members of the Board of Controllers; Chief Executive Officer, Deputy Chief Executive Officer, Chief Financial Officer, Chief Accountant, Legal Representative, Corporate Secretary, Internal Audit, Authorized Person to disclose information, Director of branch
- e) **“Người có liên quan”** nghĩa là tổ chức, cá nhân có quan hệ với nhau sau đây:  
**“Affiliated persons”** are organizations or individuals with the following relationship:
  - (i) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó.  
*An enterprise and its insiders*
  - (ii) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó.  
*An enterprise and any organization or individual that holds more than 10% of voting shares or contributed capital of such enterprise*



- (iii) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát.  
*Any organization or individual that, in their relationship with other organizations or individuals, directly or indirectly supervises or is directly or indirectly supervised by that organization or individual; two organizations or individuals under the management of the same entity*
- (iv) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó.  
*An individual and his/her biological parent, adoptive parent, father- or mother-in-law, spouse, biological child, adoptive child, son- or daughter-in-law, sibling, brother- or sister-in-law*
- (v) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.  
*An organization or individual that is the representative of another organization or individual in a contract*
- (vi) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.  
*Other organizations and individuals that are relevant persons as defined by the Law on Enterprises*
- f) “NHNN” hoặc “SBV” nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt nam.  
*“SBV” means the State Bank of Vietnam*
- g) “UBCKNN” hoặc “SSC” nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  
*“SSC” means the State Securities Commission*
- h) “SGDCK” nghĩa là Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX) và/hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) và/hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).  
*“SE” means the Vietnam Stock Exchange (VNX) and/or the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) and/or the Hanoi Stock Exchange (HNX)*
- i) “TTLKCK” nghĩa là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.  
*“VSD” means Vietnam Securities Depository Center*
- j) “UBGSTCQG” hoặc “NFSC” nghĩa là Ủy ban giám sát tài chính quốc gia.  
*“NFSC” means the National Financial Supervisory Commission*





- k) **“Ngày công bố thông tin”** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.  
*“Date of information disclosure” is the day that the information appears on one of the information disclosure media prescribed in Clause 1 Article 6 of this Regulation*
- l) **“Ngày báo cáo về việc công bố thông tin”** là ngày gửi fax, dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.  
*“Date of reporting the information disclosure” means the day of sending fax, transmitting electronic data (via email), the day on which the SSC and the SE received the disclosed information on the electronic information system or in writing, whichever comes first*
- m) **“CBTT”** là công bố thông tin.  
*“ID” means information disclosure*
- n) **“Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin”** là người được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền công bố thông tin.  
*“Authorized Person to Disclose Information” means a person who is authorized by the Company’s legal representative to disclose information*
- o) **“Báo cáo”** là các loại báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường và các báo cáo khác mà Công ty có nghĩa vụ thực hiện theo quy định của pháp luật.  
*“Reports” means periodic reports, extraordinary reports and other reports that the Company is obliged to perform in accordance with the law*
- p) **“HĐTV”** có nghĩa là Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán Yuanta Việt Nam.  
*“COM” means the Council of Members of Yuanta Securities Vietnam Limited Company*
- q) **“TGD”** có nghĩa Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Chứng khoán Yuanta Việt Nam.  
*“CEO” means the Chief Executive Officer of Yuanta Securities Vietnam Limited Company*
- r) **“BTGD”** có nghĩa là Ban Tổng Giám đốc.  
*“BOM” means the Board of Management*
- s) **“Danh sách báo cáo”** nghĩa là danh sách liệt kê tất cả các loại báo cáo, thời hạn, và Cơ quan có thẩm quyền mà Công ty cần phải gửi báo cáo đến. Danh sách báo cáo



sẽ được Phòng Pháp chế - Tuân thủ cập nhật định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của tháng và gửi đến các Bộ phận có liên quan.

*"Report List" means a list listing all types of reports, deadlines, and Authorities to which the Company needs to submit reports. The list of reports will be periodically updated by the Legal - Compliance Department on the first working day of the month and sent to the relevant Departments*

- t) **"CIMS"** là hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố của SGĐCK Hà Nội.  
*"CIMS" is the system to receive reports and information disclosed by the HNX*
  - u) **"ECM"** là hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố của SGĐCK Tp. Hồ Chí Minh.  
*"ECM" is the system to receive reports and information disclosed by the HOSE*
  - v) **"SCMS"** là hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố của UBCKNN.  
*"SCMS" is the system for receiving reports and information disclosed by the SSC*
  - w) **"FMSIS"** là hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố của UBGSTCQG.  
*"FMSIS" is the system for receiving reports and information disclosed by the NFSC*
2. Trong Quy định này, có tham chiếu tới một hoặc một số quy định và/hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định và/hoặc văn bản đó.  
*In this Regulation, a reference to one or more regulations and/or any documents shall include amendments, supplements or replacements thereof*
3. Các từ được viết hoa nhưng chưa được định nghĩa trong Quy định này, nếu không mâu thuẫn với ngữ cảnh hoặc chủ thể trong Quy định này, sẽ có nghĩa tương đương như được quy định trong Điều lệ Công ty và/hoặc các văn bản pháp luật có liên quan.  
*Herein words that are capitalized but not defined, if they do not conflict with the context or subject in this Regulation, will have the same meaning as provided in the Company's Charter and/or relevant legal documents*

## **Điều 5. Nguyên Tắc Công Bố Thông Tin Và Báo Cáo**

### **Article 5. Principles of Reporting and Information disclosure**

- 1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:  
*The ID must be sufficient, accurate and punctual as prescribed by law and ensure that:*
  - a) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư





nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

*The personal information only be disclosed with the consent of the related entities, including: valid Citizen identification card, National identification card, identification cards of professional servicemen or passport, contact address, permanent address, phone number, fax, email, securities trading account number, depository account number and banking account number, transaction codes of foreign investors and foreign-invested organizations owning more than 50% of charter capital*

- b) Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

*In case the disclosed information contains the personal information prescribed in point a Clause 1 of this Article and the disclosers do not agree to disclose them, it is required to send 02 documents to the SSC and the SE, including 01 report on information disclosure containing sufficient personal information and 01 report on information disclosure not containing personal information for the SSC and the SE to make information public*

- c) Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

*The Company must take responsibility before the law for the contents of disclosed information. In case the information disclosed has changed, the Company must promptly and fully disclose the changed content and the reasons for the change compared with the previously disclosed information*

- d) Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin thực hiện.

*The Company's information disclosure must be implemented by the legal representative or the Authorized Person to Disclose Information*

- e) Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Đồng thời, Công ty được khuyến khích công bố thông tin bằng tiếng Anh. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

*The language of disclosed information on the securities market is Vietnamese. Simultaneously, the Company is recommended to disclose information in English. In*



*case information is disclosed in both Vietnamese and English, the information disclosed in English is provided for reference only*

- f) Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật thì Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên phương tiện quy định tại Điều 6 Quy định này vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.  
*In case the obligation to disclose information falls on a day-off or a holiday as prescribed by law, the Company shall disclose information on the media prescribed in Article 06 of this Regulation on a working day after the day-off or the holiday*

2. Việc báo cáo phải tuân thủ theo quy định pháp luật và phải bảo đảm:  
*The reporting must comply with the law and must ensure:*

- a) Đầy đủ, kịp thời và phản ánh chính xác tình hình thực tế của Công ty.  
*Sufficient, timely and accurately reflect the Company's actual situation*
- b) Công ty phải gửi Báo cáo bằng tệp dữ liệu điện tử và/hoặc bản giấy cho UBCKNN, SGDCK, TTLKCK, UBGSTCQG theo các thời hạn và quy định của pháp luật tại từng thời điểm.  
*The Company must send the Report in electronic and/or paper form to the SSC, the SE, the VSD, and the NFSC according to the deadlines and regulations of the law from time to time*

#### **Điều 6. Phương Tiện Công Bố Thông Tin Và Báo Cáo** **Article 6. Media Of Reporting and Information Disclosure**

1. Các phương tiện báo cáo & công bố thông tin bao gồm:  
*The Media of Reporting and ID includes:*
- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty.  
*Electronic information page (website) of the Company*
- b) Hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin của UBCKNN.  
*The system of receiving reports and ID of the SSC*
- c) Hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin của SGDCK.  
*The system of receiving reports and ID of the SE*
- d) Hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin của TTLKCK.  
*The system of receiving reports and ID of the VSD*
- e) Hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin của UBGSTCQG.





*The system of receiving reports and ID of the NFSC*

- f) Các phương tiện khác như báo in, báo điện tử, email, fax... theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền.  
*Other medias such as printed newspapers, electronic newspapers, email, fax, etc. at the request of the competent authority*

2. Công ty phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

*The Company must create a website according to the following regulations:*

- a) Công ty phải lập trang thông tin điện tử khi chính thức hoạt động;  
*The Company must create its website from the date of official operation*
- b) Khi lập trang thông tin điện tử Công ty phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.  
*When creating the website, the Company must report to the SSC and the SE and announce the website's address as well as any changes related to this address within 03 working days from the date on which the website's creation is completed or the address of this website is changed*
- c) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về chủ sở hữu, trong đó phải công bố Điều lệ công ty và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu được quy định tại Quy định này.  
*The website must contain the contents of the business line and the contents which must be publicly announced on the National business registration portal as prescribed in Law on Enterprises and any change to those contents; separate part about the owner, which contain Company's Charter, and information disclosed regularly, irregularly and on request as prescribed in this Regulation*
- d) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử.  
*The website must display the time of posting information, and at the same time, it must ensure that investors can easily search and access the data on such website*

**Điều 7. Hình Thức Công Bố Thông Tin Và Báo Cáo**

**Article 7. Forms of Information Disclosure and Reports**



- Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty cùng với việc gửi thông tin công bố đến Cơ quan có thẩm quyền tùy theo yêu cầu của các cơ quan này và theo quy định của pháp luật.  
*The ID must be implemented simultaneously on the Company's website and sent to the competent authorities at the request of these agencies and in accordance with the law*
- Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN và SGDCK.  
*Documents and reports send to the SSC and the SE are presented in the form of documents and electronic data using digital signatures according to the guidance of the SSC and the SE*
- Báo cáo, công bố thông tin bằng dữ liệu điện tử phải sử dụng bảng mã Unicode, dạng văn bản dùng phần mềm Microsoft Office Word và dạng số liệu dùng phần mềm Microsoft Office Excel.  
*Reports and ID by electronic data must use Unicode encoding, text form using Microsoft Office Word software and data form using Microsoft Office Excel software*
- Công ty có trách nhiệm nộp báo cáo, tài liệu công bố thông tin đến SGDCK Việt Nam dưới hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số thông qua Hệ thống của SGDCK Việt Nam. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo SGDCK Việt Nam trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố sau:  
*The Company is responsible for submitting reports and information disclosure documents to the VNX in the form of electronic data using digital signatures through the system of VNX. The Company is not required to send a paper copy to report to the VNX in case the documents have been published on all the following reporting and publicizing medias as following:*
  - (i) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;  
*Company's website*
  - (ii) Hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin của UBCKNN;  
*The system of receiving reports and disclosing information of the SSC*
  - (iii) Hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin của SGDCK Việt Nam.  
*The system of receiving reports and disclosing information of the SE*
- SGDCK Tp. Hồ Chí Minh chấp thuận cho thành viên gửi báo cáo, công bố thông tin qua mạng điện tử. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của thành viên phải đăng ký địa chỉ hộp thư điện tử để gửi báo cáo, công bố thông tin cho SGDCK. Trong trường hợp gửi báo cáo, công bố thông tin qua mạng điện tử, thành viên





phải gửi báo cáo, công bố thông tin bằng văn bản chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo, công bố thông tin.

*HOSE approves members to submit reports and disclose information via electronic network. The legal representative or the Authorized Person to Disclose Information of a member must register an email address in order to send reports and disclose information to the SE. In case of submitting reports or disclosing information via electronic network, members must submit reports and disclose information in writing within five (05) working days from the deadline for sending reports, information disclosure*

- Công ty có trách nhiệm nộp báo cáo, tài liệu công bố thông tin cho SGDCK Hà Nội dưới hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số thông qua Hệ thống CIMS.  
*The Company is responsible for submitting reports and ID documents to the HNX in the form of electronic data using digital signatures through the CIMS System*
- Báo cáo gửi TTLKCK được thực hiện bằng văn bản. TTLKCK căn cứ vào dấu công văn đến trên văn bản để xem xét việc tuân thủ về thời gian nộp báo cáo của Công ty.  
*Reports which send to the VSD shall be implemented in writing and based on the arrival dispatch's stamp on the document to review the compliance with the report submission time of the Company*

## **CHƯƠNG II: NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN CHAPTER II: THE PERSON IN CHARGE OF ID**

### **Điều 8. Người Công Bố Thông Tin Article 8. Person In Charge Of ID**

1. Người báo cáo và công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của Công ty, trực tiếp thực hiện hoạt động báo cáo và công bố thông tin theo trình tự, thủ tục phù hợp với Quy định này và theo quy định của pháp luật.  
*The person in charge of reporting and ID is the legal representative of the Company, directly carrying out the reporting and ID activities in accordance with the order and procedures consistent with this Regulation and as prescribed under the law*
2. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty không trực tiếp thực hiện thì có thể ủy quyền cho người khác thực hiện.  
*In case the legal representative of the Company does not directly implement, it is allowed to authorize another person to do so*
3. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của thông tin do mình hoặc người được ủy quyền báo cáo và công bố thông tin (trong trường hợp ủy quyền thực hiện). Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin đều vắng mặt



thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Tổng Giám đốc hoặc thành viên HĐQT có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

*The legal representative shall bear responsibility for the sufficiency, accuracy and punctuality of the information disclosed and reported by himself/herself or the authorized person (in case of authorization to perform). When occurring an event that needs ID but both the legal representative and the Authorized Person to Disclose Information are absent, the member holding the highest position of the BOM or the member of the COM shall have the responsibility to conduct the information disclosure*

### **Điều 9. Thay Đổi Người Công Bố Thông Tin**

#### **Article 9. Change Of Person In Charge Of ID**

1. Người công bố thông tin được thay đổi trong các trường hợp sau:  
*The person in charge of ID will be changed in the following cases:*
  - a) *Thôi đảm nhiệm chức vụ/công việc được giao.  
Cease to hold the assigned position/work*
  - b) *Mất khả năng thực hiện nhiệm vụ.  
Loss of ability to perform tasks*
  - c) *Có hành vi cố ý vi phạm các quy định về công bố thông tin.  
Intentionally violating regulations on information disclosure*
  - d) *Theo quyết định của Người đại diện theo pháp luật của Công ty đối trường hợp người công bố thông tin là Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin.  
According to the decision of the legal representative of the Company in case the person disclosing information is an authorized person to disclose information*
2. Trường hợp thay đổi người công bố thông tin, Công ty phải gửi Giấy ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục 01 và Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Thông báo được gửi đến UBCKNN và SGDCK ít nhất 24 giờ kể từ khi việc chỉ định hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.  
*In case of changing the person in charge of ID, the Company must send the Power of Attorney to disclose information according to Appendix 01 and the Information provision form according to Appendix 03 issued together with Circular No. 96/2020/TT- BTC. The notice shall be sent to the SSC and the SE at least 24 hours after the appointment or change of person performing ID takes effect*

### **CHƯƠNG III: VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CHAPTER III: ROLES, RESPONSIBILITIES, POWERS**





**Điều 10. Vai Trò Và Trách Nhiệm Của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên**  
**Article 10. Roles and Responsibilities of the Chairman of the COM**

1. Vai trò/Roles

Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của Công ty có vai trò thực hiện công bố thông tin và các báo cáo của Công ty theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền ủy quyền cho chức danh khác trong Công ty thực hiện công việc nêu trên và phải đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

*The Chairman of the COM is the legal representative of the Company with the role of implementing information disclosure and reports of the Company by the law. The Chairman of the COM has the right to authorize other positions in the Company to perform the above tasks and must ensure compliance with the provisions of law*

2. Trách nhiệm/Responsibilities

- Phê duyệt hoặc ủy quyền cho các chức danh khác thực hiện kiểm tra và/hoặc phê duyệt nội dung báo cáo, CBTT theo quy định tại Quy định này.  
*Approve or authorize other positions to inspect and/or approve the content of reports and IDs in accordance with this Regulation*
- Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước HĐQT và các Cơ quan chủ quản về nội dung báo cáo, CBTT của Công ty.  
*The Chairman of the COM is responsible to the COM and Governance Agencies for the content of reports and ID of the Company*
- Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do mình hoặc người được ủy quyền báo cáo và công bố thông tin thực hiện (trong trường hợp ủy quyền).  
*To be responsible for the sufficiency, accuracy and punctuality of information disclosed and reported by himself/herself or the authorized person (in case of authorization)*

**Điều 11. Vai Trò Và Trách Nhiệm Của Người Được Ủy Quyền Báo Cáo - CBTT**

**Article 11. Roles And Responsibilities Of The Authorized Person To Report And Disclose Information**

1. Vai trò/Roles

Là người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền thay mặt Công ty thực hiện công việc liên quan đến công bố thông tin và báo cáo của Công ty đến các Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

*Is the person authorized by the legal representative to act on behalf of the Company to perform tasks related to information disclosure and reports of the Company to the competent authorities by the law*



2. Trách nhiệm/*Responsibilities*
  - Thực hiện các công việc liên quan đến công bố thông tin và báo cáo theo quy định của pháp luật trong phạm vi được ủy quyền và theo quy định nội bộ của Công ty.  
*Perform tasks related to information disclosure and reports in accordance with the law within the scope of authorization and internal regulations of the Company*
  - Đảm bảo việc báo cáo, CBTT theo ủy quyền được đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.  
*Ensure the reports and information disclosure as authorized is sufficient, accurate and timely by the law*
  - Chịu trách nhiệm trước Người đại diện theo pháp luật về những nội dung của Báo cáo, CBTT do mình phê duyệt.  
*To be responsible to the legal representative for the contents of the Report and ID approved by himself/herself*

**Điều 12. Vai Trò, Trách Nhiệm Và Quyền Hạn Của Phòng Pháp Chế - Tuân Thủ**  
**Article 12. Roles, Responsibilities and Powers of the Legal - Compliance Department**

1. Vai trò/*Roles*
  - Phòng Pháp chế - Tuân thủ là phòng ban thực hiện việc gửi báo cáo và CBTT của Công ty theo quy định của pháp luật và Quy định này.  
*The Legal - Compliance Department is the department responsible for submitting reports and ID of the Company by the law and this Regulation*
  - Phòng Pháp chế - Tuân thủ kiểm tra, đối chiếu, tổng hợp, soạn thảo các biểu mẫu và báo cáo liên quan đến hoạt động báo cáo và CBTT.  
*The Legal - Compliance Department checks, compares, summarizes and drafts templates of reports and forms related to activities of reporting and ID*
  - Là đầu mối tiếp nhận thông tin và thực hiện gửi báo cáo, CBTT theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của các cơ quan quản lý (ngoại trừ các loại Báo cáo, CBTT được thực hiện bởi Phòng Kế toán).  
*Act as the focal point for receiving information and submitting reports and disclosures according by the law and at the request of the management agencies (except for the reports and IDs implemented by the Finance & Accounting Department)*
2. Trách nhiệm/*Responsibilities*





- Cập nhật các quy định, biểu mẫu, thời hạn liên quan đến hoạt động báo cáo, CBTT cho các phòng ban có liên quan.  
*Updating regulations, forms, deadlines related to activities of reporting and ID for relevant departments*
- Tập hợp, kiểm tra, rà soát các nội dung Báo cáo/CBTT do các Bộ phận liên quan cung cấp trong phạm vi của mình.  
*Gathering, checking and reviewing of the Reports/Disclosures contents provided by the relevant departments within their scope*
- Tổng hợp thông tin, dữ liệu Báo cáo, CBTT; đảm bảo nhận được sự phê duyệt của các cấp có thẩm quyền trước khi gửi Báo cáo, CBTT cho các Cơ quan có thẩm quyền.  
*Synthesizing information, data of reporting and disclosing information; ensuring to receive approval from competent levels before submitting reports and ID to competent authorities*
- Đảm bảo tính chính xác, đồng nhất của các nội dung Báo cáo, thông tin công bố nhận được từ các phòng ban có liên quan và nội dung gửi cho các Cơ quan có thẩm quyền.  
*Ensuring the accuracy and uniformity of Report's contents, the disclosed information received from the relevant departments and the content sent to the competent authorities*
- Thực hiện cập nhật thông tin công bố lên trang thông tin điện tử của Công ty và gửi các Báo cáo, CBTT theo quy định của pháp luật và Quy định này.  
*Updating information disclosure on the Company's website and submitting reports and IDs by the law and this Regulation*
- Đề xuất, kiến nghị với Ban Tổng giám đốc về những hoạt động liên quan đến công tác báo cáo và CBTT của Công ty.  
*Proposing and recommending to the BOM on activities related to reports and ID of the Company*
- Đề xuất, kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung Quy định này nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và tăng hiệu quả của hoạt động báo cáo, CBTT.  
*Proposing and recommending amendments and supplements to this Regulation in order to ensure compliance with the law and increasing the efficiency of activities of reports and ID*
- Kiến nghị các giải pháp, phương án khắc phục khi phát hiện sai phạm, thiếu sót trong hoạt động báo cáo, CBTT.  
*Proposing solutions and planning to overcome when detecting mistakes and omissions on activities of reports and ID*



- Phối hợp với các bộ phận liên quan để thực hiện cải chính, sửa đổi nội dung Báo cáo, CBTT.  
*Coordinating with relevant departments to make corrections and amendments to reports, ID*
- Quản lý email [cbtt@yuanta.com.vn](mailto:cbtt@yuanta.com.vn) và các tài khoản (tài khoản đăng nhập, mật khẩu) được cấp nhằm thực hiện việc báo cáo, CBTT đến các cơ quan quản lý. Và chỉ được chia sẻ các thông tin này đến phòng ban, nhân sự có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của mình theo Quy định này.  
*Managing the email [cbtt@yuanta.com.vn](mailto:cbtt@yuanta.com.vn) and the accounts (login account, password) granted to make reports and ID to the management agencies. And only sharing this information with relevant departments and personnel to perform their duties according to this Regulation*

### 3. Quyền hạn/Power

- Yêu cầu các phòng ban cung cấp nội dung báo cáo, CBTT đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo Danh sách Báo cáo được gửi định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi tháng.  
*Requesting departments to provide the sufficiency, accuracy and punctuality of reporting and ID according to the Report List sent periodically on the first working day of each month*
- Yêu cầu các phòng ban cung cấp có liên quan hỗ trợ cung cấp hồ sơ, giải trình về Báo cáo, CBTT khi có yêu cầu của các Cơ quan có thẩm quyền.  
*Requesting relevant departments to assist in providing documents and explanations on reporting and ID at the request of competent authorities*

### **Điều 13. Trách Nhiệm Của Các Phòng Ban Cung Cấp Thông Tin** **Article 13. Responsibilities Of The Information-Providing Departments**

- Cung cấp số liệu báo cáo, nội dung báo cáo/CBTT chính xác với tình hình thực tế của Công ty.  
*Providing the data of reports, the contents of reports/ID accurately with the actual situation of the Company*
- Đảm bảo số liệu báo cáo, nội dung báo cáo/CBTT được gửi đến Phòng Pháp chế - Tuân thủ đúng thời hạn được Phòng Pháp chế - Tuân thủ đề xuất trong Danh sách báo cáo.  
*Ensure the data of reports and the contents of reports/ID are sent to the Legal - Compliance Department on time with the recommended deadline set by the Legal - Compliance Department in the Report List.*





- Các số liệu, nội dung báo cáo/CBTT phải được các Trưởng bộ phận cung cấp thông tin phê duyệt trước khi gửi đến Phòng Pháp chế - Tuân thủ.  
*The data of reports, the contents of reports/ID must be approved by the Heads of The Information-Providing Departments before being sent to the Legal - Compliance Department*
- Ngay khi phát hiện có sự sai lệch trong nội dung Báo cáo/CBTT, phải báo ngay cho Phòng Pháp chế - Tuân thủ và/hoặc Ban Tổng Giám đốc của Công ty và có trách nhiệm chỉnh sửa chính xác nội dung báo cáo/thông tin công bố, sau đó gửi lại cho Phòng Pháp chế - Tuân thủ trong thời gian sớm nhất có thể.  
*As soon as a discrepancy is detected the contents of reports/ID, it must be immediately reported to the Legal - Compliance Department and/or the BOM of the Company and is responsible for correcting the contents of reports/ID, then send it back to the Legal - Compliance Department as soon as possible*
- Hỗ trợ Phòng Pháp chế - Tuân thủ trong việc hoàn thiện báo cáo, giải trình khi có yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền.  
*Supporting the Legal - Compliance Department in completing reports and explanations at the request of the Competent Authority*
- Đối với việc Báo cáo, CBTT bất thường, các phòng ban cung cấp thông tin có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin trong thời gian sớm nhất có thể và không quá mười hai (12) giờ (tiếng) kể từ khi xảy ra sự kiện.  
*For the extraordinary reports and ID, the information-providing departments are responsible for proactively providing information as soon as possible and not more than twelve (12) hours since the event occurs*
- Chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật về tính chính xác và kịp thời của nội dung Báo cáo, CBTT mà Bộ phận mình cung cấp.  
*Taking responsibility to the BOM and the legal representative for the accuracy and timeliness of the reports and ID content provided by their Department*

#### **Điều 14. Vai Trò Và Trách Nhiệm Của Bộ Phận Thực Hiện Gửi Báo Cáo, CBTT**

#### **Article 14. Roles And Responsibilities Of The Department In Charge Of Sending Reports And Information Disclosure**

##### **1. Vai trò/Roles**

- Là phòng ban được phân công thực hiện việc **gửi** báo cáo, CBTT đến cơ quan quản lý và cập nhật thông tin công bố lên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của pháp luật và Quy định này.



*As the department assigned to **send** reports and ID to the management agency and update the disclosed information on the Company's website in accordance with the law and this Regulation*

2. Trách nhiệm/*Responsibilities*

- Thực hiện cập nhật thông tin công bố lên trang thông tin điện tử của Công ty và gửi các báo cáo, CBTT cho các Cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật và Quy định này.  
*Updating disclosed information on the Company's website and sending reports and ID to Management Agencies in accordance with the law and this Regulation*
- Gửi Báo cáo, CBTT đúng thời hạn theo Quy định này và quy định của pháp luật.  
*Sending reports and ID on time according to this Regulation and the law*
- Soạn thảo, yêu cầu chỉnh sửa, dỡ bỏ thông tin sai sót; kịp thời cập nhật lại thông tin chính xác.  
*Drafting, requesting corrections, removing the incorrect information; Timely re-updating with accurate information*
- Đảm bảo các nội dung của Báo cáo, CBTT đã được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền trước khi gửi đến các Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.  
*Ensuring that the contents of reports and ID have been approved by the competent levels before being sent to the Competent Authorities by the law*
- Bảo mật thông tin mật khẩu của địa chỉ email dùng để gửi Báo cáo, CBTT. Không tiết lộ mật khẩu địa chỉ email cho bất kỳ người thứ ba nào không có liên quan đến việc gửi Báo cáo, CBTT.  
*Securing the password information of the email address used to send the Report, ID. Do not reveal the email address password to any third party who is not related to the submission of the Report, ID*
- Chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật về thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và việc gửi các Báo cáo, CBTT cho các cơ quan có thẩm quyền.  
*Being responsible to the BOM and the legal representative for the information disclosed on the Company's website and the submission of reports and information disclosure to the Competent Authorities*
- Theo dõi, quản lý, lưu trữ (bao gồm bản cứng và bản mềm) hồ sơ, tài liệu Báo cáo và CBTT đã được gửi đi theo quy định.





*Monitoring, managing, and storing (including hard copy and soft copy) records, documents of Report and ID that have been sent in accordance with regulations*

**CHƯƠNG III: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO**  
**CHAPTER III: CONTENTS OF INFORMATION DISCLOSURE AND REPORT**  
**MỤC I. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY**  
**SECTION I. INFORMATION DISCLOSURE CONTENTS OF THE COMPANY**

**Điều 15. Công Bố Thông Tin Định Kỳ**  
**Article 15. Periodic Information Disclosure**

1. Báo cáo tài chính/*Financial statements*:

a) Báo cáo tài chính năm/*Annual financial statements*

- Công ty phải báo cáo và công bố đến UBCKNN, SGDCK, UBGSTCQG và trên trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

*The Company must report and disclose to the SSC, the SE, the NFSC and on the Company's website its audited annual financial statements by an approved auditing organization within 10 days from the day on which the auditor's report is signed by the audit organization but not more than 90 days from the end of the fiscal year*

- Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.

*The full text of the audited annual financial statements must be fully disclosed, including the audit report on those financial statements. In case the auditor does not accept the entire financial statement, the Company must disclose the annual financial statement, the audit report together with the Company's written explanation*

b) Báo cáo tài chính bán niên/*Semi-annual financial statements*

- Công ty phải báo cáo và công bố đến UBCKNN, SGDCK, UBGSTCQG và trên trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

*The Company must report and disclose to the SSC, the SE, the NFSC and on the Company's website the reviewed semi-annual financial statements within 05 days*



*from the day on which the auditor's report is signed by the audit organization but not more than 45 days from the end of the first 6 months of the fiscal year*

- Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

*Semi-annual financial statements must be complete interim financial statements which are prescribed in the Accounting Standard “Interim financial statements”, presenting financial data for the first 6 months of the Company's fiscal year, established in accordance with the law. The semi-annual financial statements must be reviewed in accordance with the standards for reviewing financial statements. The full text of the semi-annual financial statements must be disclosed in full, together with the review conclusion and the Company's written explanation in case the review conclusion is not an unacceptable conclusion*

c) Báo cáo tài chính quý/*Quarterly financial statements*

- Công ty phải báo cáo và công bố đến UBCKNN, SGDCK, UBGSTCQG và trên trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

*The Company must report and disclose to the SSC, the SE, the NFSC and on the Company's website its quarterly financial statements within 20 days from the end of the quarter*

- Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

*Quarterly financial statements must be complete interim financial statements which are prescribed in the Accounting Standard “Interim financial statements”, including all reports, appendices and notes in accordance with regulations on the corporate accounting law*

2. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính/*Report on Capital Adequacy Ratio*

Công ty phải báo cáo và công bố đến UBCKNN, SGDCK, UBGSTCQG và trên trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cùng thời điểm với việc công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.





*The Company must report and disclose to the SSC, the SE, the NFSC and on the Company's website its reviewed Report on Capital Adequacy Ratio and ones audited by an auditing organization approved to perform the audit as at June 30th and December 31st respectively, at the same time as the publication of the reviewed semi-annual financial statements and the audited annual financial statements*

3. Khi báo cáo và công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:  
*When reporting and disclosing information on the financial statements prescribed Clause 1 of this Article, the Company must simultaneously explain the reasons for the occurrence of one of the following cases:*

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.  
*Profit after corporate income tax in the operating result report of the announcing period changes 10% or more compared to the same period in the previous report*
- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.  
*Profit after tax in the reporting period suffers a loss; or convert from profit in the previous period to loss in this period or vice versa*
- c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.  
*Profit after tax in the reporting period has the difference before and after the audit or review by 5% or more, converting from loss to profit or vice versa*

4. Báo cáo thường niên/*Annual Reports*

- a) Công ty phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và công bố đến UBCKNN và trên trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.  
*The Company must prepare an annual report as prescribed in Appendix IV issued by the Circular No. 96/2020/TT-BTC and disclose it to the SSC within 20 days from the disclosing date of the audited annual financial statement but it does not exceed 110 days from the end date of the financial year*
- b) Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.  
*The financial contents of the annual report are suitable for those in the audited annual financial statement*



5. Báo cáo tình hình quản trị/*Reports on corporate governance*

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

*The Company must disclose information about the report on corporate governance made according to the form in Appendix V enclosed the Circular No. 96/2020/TT-BTC within 30 days from the end of first 06 months of the year and the end of the calendar year*

**Điều 16. Công Bố Thông Tin Bất Thường**

**Article 16. Extraordinary Information Disclosure**

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường đến UBCKNN, SGDC và trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện được quy định tại Phụ lục 02 Quy định này.

*The Company must disclose extraordinary information to the SSC, SE and on the Company's website within 24 hours from the occurrence of one of the events specified in Appendix 02 of this Regulation*

**Điều 17. Công Bố Thông Tin Theo Yêu Cầu**

**Article 17. Information Disclosure On Request**

1. Công ty phải công bố thông tin đến UBCKNN, SGDC và trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDC khi có thông tin liên quan đến Công ty, chi nhánh ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

*The Company must disclose information to the SSC, SE and on the Company's website within 24 hours from the receipt of the request of SSC or SE when there is information related to the Company, Company's branch, which seriously affects the lawful rights and interests of investors*

2. Nội dung thông tin công bố quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDC yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

*Information to be disclosed on request must be disclosed together with the event requested by SSC and SE, reasons and the Company's assessment of authentication of that event, and remedial solutions (if any)*

**Điều 18. Công Bố Thông Tin Khác**

**Article 18. Other Information Disclosure**





1. Công ty, chi nhánh Công ty phải công bố thông tin hoạt động trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN và 01 tờ báo điện tử **hoặc** báo in trong 03 số liên tiếp ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chính thức hoạt động.  
*The Company and its branches must disclose information on the operation on the media of SSC and 01 online newspaper or 03 continuous issues of printed newspapers at least 30 days before its expected inauguration date*
2. Công ty phải thông báo tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty về các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của Công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, Công ty phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ.  
*The Company must disclose at its headquarters, branches, and transaction offices and on the Company's website the information about transaction methods, order placement, depositing, payment time, transaction fees, services provided and list of the Company's certified securities professionals. In case of provision of margin trading services, the Company shall notify conditions for provision of margin trading services, including margin ratio, loan interest, loan term, method for making margin calls, and list of securities available for margin trading*
3. Công ty khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty. Sau khi giao dịch được thực hiện, Công ty phải thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch để khách hàng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật.  
*When carrying out forced selling or selling pledged securities of clients who are insider and their affiliated persons, the Company must disclose information on the Company's website. When the transaction is done, the Company must notify transaction results to the client by the end of the transaction date so that the client can disclose information by the law*
4. Trường hợp Công ty là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDC, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.  
*If the Company is a affiliated person of the insider of listed organizations, registered organizations or listed public funds, when fixing transaction errors in listed or registered shares or listed fund certificates, the Company must submit reports to SSC, SE, listed organizations, registered organizations or securities investment fund management companies within 24 hours from the completion of the fixing of transaction error*



5. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử và tại các chi nhánh, phòng giao dịch của Công ty danh sách ngân hàng thương mại được lựa chọn cho hai phương thức quản lý tiền giao dịch chứng khoán của khách hàng.  
*The Company must disclose on its website, at its branches and transaction offices the list of selected commercial banks for the two methods of managing client's money for securities transactions*
6. Trang thông tin điện tử chính thức và phần mềm ứng dụng phục vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến cho nhà đầu tư của Công ty phải công bố các quy định về dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến và những rủi ro có thể xảy ra khi nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng khoán trực tuyến. Các rủi ro bao gồm:  
*The regulations on online securities transaction services and risks that may be incurred to investors conducting online securities transactions must be published on the official website and application software serving online securities transaction for investors of the Company. These risks include:*
- a) Trong khi truyền tải qua mạng internet, lệnh giao dịch có thể bị treo, bị ngừng, bị trì hoãn hoặc có lỗi dữ liệu;  
*A risk that during internet transmission, transaction orders may be suspended, stopped or data errors*
  - b) Việc nhận dạng các tổ chức hoặc nhà đầu tư có thể không chính xác, lỗi về bảo mật có thể xảy ra;  
*A risk that the identification of organizations or investors may be inaccurate, and errors arising from protection of confidentiality may occur*
  - c) Giá cả thị trường và các thông tin chứng khoán khác có thể có lỗi hoặc sai lệch;  
*A risk that market prices and other information relating to securities may be incorrect or contain errors*
  - d) Những rủi ro có thể xảy ra của các phương thức xác thực đặt lệnh cho nhà đầu tư;  
*A risk that may be incurred during adoption of a method of authenticating orders placed by investors*
  - e) Những rủi ro khác mà cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Công ty thấy cần thiết phải công bố.  
*Other risks that competent authorities, the Company consider necessary to publish*

## MỤC II. NỘI DUNG BÁO CÁO CỦA CÔNG TY SECTION II. CONTENTS OF THE COMPANY'S REPORT

### Điều 19. Báo Cáo Định Kỳ Article 19. Periodic Reports





1. Báo cáo tài chính/*Financial statements*

Báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính quý được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Quy định này.

*Annual financial statements, semi-annual financial statements and quarterly financial statements must comply with the provisions of Clause 1, Article 15 of this Regulation*

2. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính/*Report on Capital Adequacy Ratio*

- a) Định kỳ hàng tháng, Công ty phải gửi UBCKNN, UBGSTCQG báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày kết thúc tháng theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC. Báo cáo phải được gửi bằng tệp thông tin điện tử thực hiện qua hệ thống cơ sở dữ liệu trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tháng.

*On a monthly basis, the Company must send to the SSC and the NFSC a report on the capital adequacy ratio at the end of the month according to the form prescribed in Appendix VI issued with Circular No. 91/2020/TT- BTC. The report must be sent by electronic file made through the database system within seven (07) working days from the end of the month*

- b) Công ty phải gửi UBCKNN, SGDK, UBGSTCQG đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12 theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC này sau khi đã được soát xét, kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Quy định này.

*The Company must send to the SSC, the SE and the NFSC at the same time to disclose information on the website reporting the capital adequacy ratio on June 30th and December 31st according to the form prescribed in Appendix VI issued together with the Circular No. 91/2020/TT-BTC after reviewed and audited by an approved auditing organization according to the provisions of Clause 2, Article 15 of this Regulation*

3. Báo cáo tài sản nợ - tài sản có/*Assets - liabilities Reports*

- a) Công ty phải gửi báo cáo tài sản nợ - tài sản có hàng tháng chậm nhất vào ngày thứ mười lăm (15) của tháng tiếp theo.

*The Company must send a monthly report on assets and liabilities no later than the fifteenth (15th) day of the following month*

- b) Công ty phải gửi báo cáo tài sản nợ - tài sản có hàng quý chậm nhất vào ngày thứ hai mươi (20) của tháng đầu tiên của quý tiếp theo.



*The Company must submit the quarterly report on assets and liabilities no later than the twentieth (20th) day of the first month of the next quarter*

- c) Báo cáo được thực hiện theo mẫu Phụ lục III – 3.4 Nghị định số 82/2007/NĐ-CP và được gửi đến NHNN và UBGSTCQG.  
*The report is implemented according to the form Appendix III – 3.4 of Decree No. 82/2007/ND-CP and sent to the SBV and the NFSC*

#### 4. Báo cáo hoạt động/*Operational Reports*

- a) Trong vòng 05 ngày làm việc của tháng tiếp theo, Công ty phải gửi Báo cáo tình hình hoạt động tháng theo mẫu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.  
*Within 05 working days of the following month, the Company must submit the monthly operation report according to the form specified in Appendix I and Appendix II of Circular No. 121/2020/TT-BTC dated December 31st, 2020*
- b) Trong vòng 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Công ty phải gửi Báo cáo tình hình hoạt động quý theo mẫu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.  
*Within 20 days from the end of the quarter, the Company must send the quarterly report on its operation according to the form specified in Appendix I and II of Circular No. 121/2020/TT-BTC dated December 31st, 2020*
- c) Trong vòng 45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính, Công ty phải gửi Báo cáo tình hình hoạt động bán niên theo mẫu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.  
*Within 45 days from the end of the first 6 months of the fiscal year, the Company must send the semi-annual report on its operation according to the form specified in Appendix I and II of Circular No. 121/2020/TT-BTC on December 31st, 2020*
- d) Công ty phải gửi báo cáo hoạt động hàng năm trước ngày thứ hai mươi (20) của năm tiếp theo theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.  
*The Company must send the annual report on operation before the twentieth (20th) day of the following year according to the form prescribed in Appendix I and Appendix II of Circular No. 121/2020/TT-BTC dated December 31st, 2020*
- e) Báo cáo hoạt động nêu tại mục a đến mục d tại Khoản này được gửi đến UBCKNN, UBGSTCQG.  
*The operational report mentioned at points a to d of this clause shall be sent to SSC and NFSC*





f) Đối với báo cáo hoạt động gửi đến SGDCK Việt Nam:  
*Regarding the operational report sending to VNX:*

- Báo cáo tháng: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng, gửi Báo cáo tình hình hoạt động tháng theo mẫu quy định tại Phụ lục 11/QCTV của Quy chế số 01/QĐ-SGDVN.  
*Monthly reports: Within 10 working days from the end of the month, the monthly operation report according to the form specified in Appendix 11/QCTV of Regulation No. 01/QĐ-SGDVN must be sent*
- Báo cáo năm: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm, gửi Báo cáo tình hình hoạt động năm theo mẫu quy định tại Phụ lục 11/QCTV của Quy chế số 01/QĐ-SGDVN.  
*Annual reports: Within 30 days from the end of the year, the annual operational report according to the form specified in Appendix 11/QCTV of Regulation No. 01/QĐ-SGDVN must be sent*

5. Báo cáo tình hình mở, đóng, ủy quyền tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng  
*Reports on opening, closing, and authorizing customers' securities trading accounts*

Trong vòng 05 ngày làm việc của tháng tiếp theo, Công ty phải gửi báo cáo về danh sách khách hàng mở tài khoản, danh sách khách hàng đóng tài khoản, danh sách khách hàng ủy quyền, thay đổi thông tin tài khoản, thay đổi ủy quyền giao dịch đến SGDCK Tp. Hồ Chí Minh theo mẫu Phụ lục VIII ban hành kèm theo Quy chế số 353/QĐ-SGDHCM ngày 30/06/2021.

*Within 05 working days of the following month, the Company must send a report on the list of customers opening accounts, the list of customers closing accounts, the list of authorized customers, changing account information, changing transaction authorization to the HOSE according to the form Appendix VIII issued with Regulation No. 353/QĐ-SGDHCM dated June 30th, 2021*

Đối với báo cáo tình hình đóng, mở tài khoản và khách hàng ủy quyền gửi SGDCK Việt Nam, Công ty gửi báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục 12/QCTV của Quy chế số 01/QĐ-SGDVN trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng.

*For reports on the status of opening, closing accounts and authorized customers to send to the VNX, the Company sends a report according to the form specified in Appendix 12/QCTV of Regulation No. 01/QĐ-SGDVN within 10 working days from the end of the month*

6. Báo cáo số dư chứng khoán/*Securities balance reports*

Công ty phải gửi cho TTLKCK (trụ sở chính) các báo cáo sau trong vòng 05 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo:



*The Company must send the VSD (headquarters) the following reports within the first 05 working days of the following month:*

- a) Báo cáo xác nhận tổng số dư chứng khoán theo từng mã chứng khoán trên tài khoản lưu ký của các khách hàng tại thành viên lưu ký theo Mẫu 04/LK-TV của Quy chế số 112/QĐ-VSD.  
*Reports on confirmation of the total securities balance according to each securities code on the depository accounts of customers at depository members according to Form 04/LK-TV of Regulation No. 112/QĐ-VSD*
  - b) Báo cáo xác nhận số dư chứng khoán trên tài khoản của từng người đầu tư mở tài khoản tại thành viên lưu ký theo Mẫu 05/LK-TV của Quy chế số 112/QĐ-VSD.  
*Reports on confirmation of securities balance on account of each investor opening an account at a depository member according to Form 05/LK-TV of Regulation No. 112/QĐ-VSD*
7. Báo cáo danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ  
*Reports on the securities portfolio for margin trading*
- a) Công ty phải gửi báo cáo danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ hàng tháng cho SGDCK **trước** ngày làm việc thứ năm (05) của tháng tiếp theo theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017.  
*The Company must send a monthly report on marginable trading list to the SE **before** the fifth (05) working day of the following month according to the form prescribed in Appendix 01 of Decision No. 87/QĐ-UBCK dated January 25, 2017*
  - b) Công ty phải gửi báo cáo danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ quý cho SGDCK trong thời hạn 10 ngày làm việc đầu tiên của quý báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục 14/QCTV của Quy chế số 01/QĐ-SGDVN.  
*The Company must send a quarterly report on the list of marginable trading is performed to the VNX within the first 10 working days of the reporting quarter according to the form specified in Appendix 14/QCTV of Regulation No. 01/QĐ-SGDVN*
8. Báo cáo liên quan đến chứng khoán phái sinh/*Reports related to derivative securities*
- a) Trước 10h00 của ngày giao dịch liền sau, Công ty phải gửi báo cáo tình hình giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh và tình hình giao dịch chứng khoán phái sinh của 10 Khách hàng có giá trị giao dịch lớn nhất cho UBCKNN theo mẫu báo cáo đính kèm Công văn số 4316/UBCK-QLKD ngày 12 tháng 07 năm 2018.  
*Before 10:00 AM of the following trading day, the Company must send a report on derivatives self-trading activities and derivatives trading activities of 10 customers*





*with the largest transaction value to the SSC according to the report form attached to Official Letter No. 4316/UBCK-QLKD dated 12 July 2018*

- b) Trong vòng 10 ngày đầu của tháng tiếp theo, Công ty phải gửi báo cáo tháng hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử cho UBCKNN theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 58/2021/TT-BTC.  
*Within the first 10 days of the following month, the Company must send a monthly report on derivatives trading activities in writing or electronically to the SSC according to the Form No. 03 of the Appendix promulgated together with Circular No. 58/2021/TT-BTC*
- c) Trong vòng 20 ngày đầu của quý tiếp theo, Công ty phải gửi báo cáo quý hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử cho UBCKNN theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 58/2021/TT-BTC.  
*Within the first 20 days of the following quarter, the Company must send a quarterly report on derivatives trading activities in writing or electronically to the SSC according to the Form No. 03 Appendix promulgated together with Circular No. 58/2021/TT-BTC*
- d) Trong vòng 90 ngày đầu của năm tiếp theo, Công ty phải gửi báo cáo năm hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử cho UBCKNN theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 58/2021/TT-BTC.  
*Within the first 90 days of the following year, the Company must send an annual report on derivatives trading activities in writing or electronically to the SSC according to the Form No. 03 of the Appendix promulgated together with Circular No. 58/2021/TT-BTC*

9. Báo cáo quản trị rủi ro/*Risk management reports*

- a) **Trước** ngày 31/01 và 31/7 hàng năm, Công ty phải gửi Báo cáo năm/06 tháng về hoạt động quản trị rủi ro theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 cho UBCKNN.  
*Before January 31 and July 31 every year, the Company must submit the annual/semi-annual report on risk management activities according to the form specified in Appendix IV of Circular No. 121/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 for the SSC*
- b) Công ty phải báo cáo UBCKNN **trước** ngày 31/1 hàng năm chính sách rủi ro đã được HĐQT phê duyệt.  
*The Company must report the risk policy approved by COM to the SSC before January 31 of each year*

10. Báo cáo giao dịch trực tuyến/*Online trading reports*



Định kỳ hàng năm, Công ty phải báo cáo UBCKNN về hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc năm.

*Annually, the Company must report to the SSC on online securities trading activities within thirty (30) days from the end of the year according to the form specified in Appendix 04 issued together with Circular No. 134/2017/TT-BTC dated December 19, 2017*

11. Báo cáo hạ tầng công nghệ thông tin/*Information technology infrastructure reports*

Hàng năm Công ty phải báo cáo về hạ tầng công nghệ thông tin kết nối đến SGDCK Hà Nội chậm nhất vào ngày 31/01 của năm tiếp theo theo mẫu 01 tại Phụ lục quy định tại Quyết định số 525/QĐ-SGDHN ngày 18/08/2015.

*Annually, the Company must report on the information technology infrastructure connected to the HNX no later than January 31 of the following year according to form 01 in the Appendix specified in Decision No. 525/QĐ-SGDHN dated August 18, 2015*

12. Báo cáo người hành nghề/*Reports on Practitioners*

**Trước** ngày 20 tháng 01 hàng năm, Công ty phải báo cáo UBCKNN về tình hình sử dụng người hành nghề tại Công ty của năm trước liền kề theo Mẫu số 87 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

*Before* January 20 of each year, the Company must report to the SSC on the situation of employing practitioners at the Company of the preceding year according to the Form No. 87 Appendix issued with Decree No. 155/2020/ND-CP

13. Báo cáo tình hình tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng

*Reports on customers' deposit for securities trading*

Trước 16 giờ thứ hai hàng tuần hoặc ngày làm việc đầu tiên của tuần, Công ty phải báo cáo UBCKNN số lượng khách hàng, số dư tiền của khách hàng tại tài khoản chuyên dụng của Công ty mở tại ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 121/2020/TT-BTC. Số liệu báo cáo nêu trên được chốt tại thời điểm cuối ngày làm việc liền trước ngày báo cáo.

*Before 16:00 every Monday or the first working day of the week, the Company must report to the SSC on the number of customers, the balance of customers' funds existing at the Company's special-purpose accounts opened at commercial banks according to the form specified in Appendix II issued together with Circular No. 121/2020/TT-BTC. These reports must use data available at the end of the working day immediately preceding the reporting date*

14. Báo cáo tình hình môi giới và tự doanh chứng khoán niêm yết

*Reports on brokerage and self-trading of listed securities*





Công ty phải báo cáo tình hình môi giới và tự doanh chứng khoán niêm yết **theo ngày** trước tám (8) giờ sáng ngày hôm sau đến UBCKNN theo mẫu quy định tại Công văn số 5132/UBCK/QLKD ngày 08/08/2016.

*The Company must report the situation of brokerage and self- trading of listed securities on a **daily basis** before eight (8) am of the next day to the SSC according to the form specified in Official Letter No. 5132/UBCK/QLKD dated August 08, 2016*

**Hàng tuần**, Công ty phải báo cáo tình hình môi giới và tự doanh chứng khoán niêm yết trước mười (10) giờ sáng của tuần làm việc kế tiếp tuần báo cáo đến UBCKNN theo mẫu quy định tại Công văn số 1712/UBCK-QLKD ngày 12/03/2020.

*The Company must report the situation of brokerage and self- trading of listed securities on a **weekly basis** before ten (10) am of the next working week of the report week to the SSC according to the form specified in Official Letter No. 1712/UBCK-QLKD dated March 12, 2020*

15. Báo cáo giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài/*Transaction reports of foreign investors*

a) Công ty (thành viên lưu ký) phải báo cáo UBCKNN định kỳ hàng tháng số liệu thống kê về tài khoản lưu ký và danh mục tài sản của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 51/2021/TT-BTC.

*Depository members must report to the SSC on a monthly depository accounts and portfolios of foreign investors and organizations that issue depository certificates in foreign countries according to the form specified in Appendix III issued together with Circular No. 51/2021/TT-BTC*

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng, Công ty báo cáo UBCKNN định kỳ hàng tháng về hoạt động quản lý danh mục đầu tư, đầu tư theo chỉ định cho nhà đầu tư nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 51/2021/TT-BTC.

*Within 05 working days from the end of the month, the Company shall report to the SSC on a monthly basis on activities of investment portfolio management, designated investments for foreign investors according to the form specified in Appendix V issued together with Circular No. 51/2021/TT-BTC*

c) Các báo cáo theo quy định tại các khoản 15 Điều này được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy kèm theo tệp dữ liệu điện tử hoặc trên hệ thống quản lý hoạt động nhà đầu tư nước ngoài của UBCKNN và phải được lưu trữ trong thời gian tối thiểu là 05 năm.

*Reports specified in Clauses 15 of this Article are presented in the form of paper documents attached to the electronic data file or on the foreign investor operation*



*management system of the SSC and must be archived for a minimum period of 05 years*

16. Báo cáo giám sát giao dịch/*Transaction supervision reports*

Trong vòng năm (5) ngày làm việc của tháng tiếp theo, Công ty phải thực hiện báo cáo giám sát giao dịch định kỳ hàng tháng đến UBCKNN theo mẫu Phụ lục III Thông tư số 115/2017/TT-BTC ngày 25/10/2017.

*Within five (5) working days of the following month, the Company must send monthly transaction monitoring reports to the SSC according to the form specified in Appendix III of Circular No. 115/2017/TT-BTC dated October 25, 2017.*

Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng, Công ty phải gửi Báo cáo giám sát tháng đến SGDCK Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 13/QCTV của Quy chế số 01/QĐ-SGDVN.

*Within ten (10) working days from the end of the month, the Company must send the monthly supervision report to the VNX according to the form specified in Appendix 13/QCTV of Regulation No. 01/QĐ-SGDVN*

17. Báo cáo về phòng chống rửa tiền/*Reports on Anti-Money Laundering*

Chậm nhất sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo kiểm toán nội bộ về phòng chống rửa tiền về Cục phòng chống rửa tiền (trực thuộc NHNN).

*No later than 60 (sixty) days from the end of the fiscal year, the Company must send the internal audit report on anti-money laundering to the Anti-Money Laundering Department (under the SBV)*

18. Báo cáo các khoản vay nước ngoài/*Reports on foreign loans*

Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo, Công ty (là Bên đi vay) phải gửi Chi nhánh NHNN tại Tp HCM báo cáo bằng văn bản về tình hình thực hiện các Khoản vay ngắn, trung và dài hạn theo mẫu tại Phụ lục 04 kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-NHNN (nếu Công ty lựa chọn hình thức truyền thống).

*On the quarterly basis, no later than the 5th day of the month immediately after the reporting period, the Company (the borrower) must send a written report to the SBV Branch in Ho Chi Minh City on the performance of short-term, mid-term and long-term loans according to the form in Appendix 04 attached to Circular No. 03/2016/TT-NHNN (if the Company chooses the traditional form).*

Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo, Bên đi vay phải báo cáo trực tuyến tình hình thực hiện các Khoản vay ngắn, trung và dài hạn tại





Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh (nếu Công ty lựa chọn hình thức trực tuyến).

*On the quarterly basis, no later than the 5th day of the month immediately after the reporting period, the Company (the borrower) must send an online report on the performance of short-term, mid-term and long-term loans at the Website for administration of foreign borrowing and repayment of foreign loans which are not guaranteed by the Government (if the Company chooses the online form)*

19. Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử năm  
*Annual reports on the implementation on the license of establishing websites*

Công ty phải gửi báo cáo tình hình thực hiện giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử năm theo Mẫu 03 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT trước ngày 15 tháng 01 hàng năm. Báo cáo được gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại:

*The Company must send a report on the implementation on the license of establishing a website according to the Form 03 of Circular No. 09/2014/TT-BTTTT before January 15 of each year. Reports shall be sent by post or in person at:*

- a) Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).  
*Ministry of Information and Communications (Department of Radio, Television and Electronic Information)*
- b) Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động.  
*Department of Information and Communications in the locality where the enterprise registered its head office*

20. Báo cáo của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu  
*Reports of the organization provider of counseling on bond offering dossiers*

Tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu phải gửi báo cáo theo hình thức văn bản giấy đến UBCKNN.

*Organizations providing counseling on bond offering dossiers must submit written reports to the SSC*

Nội dung báo cáo bao gồm:

*The content of the report includes:*

- a) Số lượng hợp đồng tư vấn chào bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành thành công trong kỳ, lũy kế từ ngày 01 tháng 01, đến ngày kết thúc quý hoặc năm báo cáo;  
*Number of corporate bonds offering consultancy contracts successfully issued in the period, accumulated from January 1, to the end of the reporting quarter or year*



- b) Đánh giá việc tuân thủ quy định về điều kiện và hồ sơ chào bán đối với từng hợp đồng tư vấn chào bán trái phiếu đã thực hiện và hoàn thành trong kỳ theo quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

*Assessment of compliance with regulations on conditions and dossiers of offering for each bond offering consultancy contract performed and completed during the period as prescribed in Decree No. 153/2020/ND-CP*

Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày 25 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

*The deadline for submitting reports: No later than the 15th of the first month of the following quarter for quarterly reports, and no later than January 25 of the following year for annual reports*

21. Báo cáo của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu

*Reports of organizations providing bidding, underwriting and bond issuance agent*

Tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu phải gửi báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm về tình hình chào bán trái phiếu theo hình thức văn bản điện tử cho SGDCK Hà Nội theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Quy chế số 14/QĐ-SGDVN.

*Organizations providing bidding, underwriting and bond issuance agent must send quarterly and annual reports on the bond offering in the form of electronic documents to the HNX according to the form in Appendix V attached to Regulation No. 14/QĐ-SGDVN*

Nội dung báo cáo bao gồm:

*The content of the report includes:*

- a) Số lượng hợp đồng và khối lượng trái phiếu đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành đã hoàn thành và đang thực hiện trong kỳ và lũy kế từ ngày 01 tháng 01 đến ngày kết thúc quý hoặc năm báo cáo;

*Number of contracts and volume of bidding, underwriting and issuance agency completed and in progress during the period and accumulated from January 1 to the end of the reporting quarter or year*

- b) Kết quả đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong kỳ theo từng doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ về điều kiện, điều khoản cơ bản của từng trái phiếu phát hành, phương thức phát hành, việc tuân thủ quy định về nhà đầu tư mua trái phiếu và cơ cấu nhà đầu tư mua trái phiếu sau khi chào bán, phân phối trái phiếu.

*Results of bidding, underwriting, issuance agency in the period according to each issuing enterprise, clearly stating the basic conditions and terms of each bond to be issued, the method of issuance, compliance with regulations on investors buying*





*bonds and the structure of investors buying bonds after offering and distributing bonds*

Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày 25 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

*The deadline for submitting reports: No later than the 15th of the first month of the following quarter for quarterly reports, and no later than January 25 of the following year for annual reports*

22. Báo cáo của tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu  
*Reports of the bond registering and depository organizations*

- a) Trường hợp Công ty là tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu báo cáo định kỳ **hàng quý** (Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau đối với báo cáo quý) và **hàng năm** (chậm nhất là ngày 25 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm) về tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu, tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu cho đến khi các trái phiếu đáo hạn; số lượng nhà đầu tư sở hữu trái phiếu, việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP theo mẫu Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 122/2020/TT-BTC.

*In case the Company is a bond registering and depository organization, it shall report **quarterly** (no later than the 15th of the first month of the following quarter for quarterly reports) and **annually** (no later than January 25 of the following year for annual reports) on the status of bond registration and depository, the payment of bond principal and interest until the bonds mature; number of investors owning bonds, private placements of corporate bond trading according to Clause 2, Article 33 of Decree No. 153/2020/ND-CP as specified by the form Appendix V issued together with Circular No. 122/2020/TT-BTC*

- b) Hình thức báo cáo: Công ty gửi báo cáo theo hình thức văn bản điện tử đến SGDK Hà Nội qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

*Report form: The Company shall be sent a report in the form of an electronic document to the HNX through the Information page on corporate bonds*

23. Báo cáo của Đại diện người sở hữu trái phiếu  
*Report of the Representative of the bondholder*

- a) Trường hợp Công ty là đại diện người sở hữu trái phiếu, Công ty thực hiện báo cáo định kỳ **hàng quý** (Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau đối với báo cáo quý) và **hàng năm** (chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm) về kết quả giám sát tính tuân thủ các cam kết của doanh nghiệp phát hành theo bản công bố thông tin về đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.



*In case the Company is the Representative of the bondholder, it shall report **quarterly** (no later than the 15th of the first month of the following quarter for quarterly reports) and **annually** (no later than January 31 of the following year for annual reports) on monitoring results of compliance with commitments of the issuing enterprise according to the information disclosure statement on the bond offering as prescribed in Clause 22, Article 1 of Decree No. 65/2022/ND-CP*

- b) Hình thức báo cáo: Công ty gửi báo cáo theo hình thức văn bản điện tử đến SGDCK Hà Nội qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp và văn bản giấy gửi về trụ sở UBCKNN.

*Report form: The Company shall be sent a report in the form of an electronic document to the HNX through the Information page on corporate bonds and hard copy to the SSC*

#### 24. Báo cáo FATCA/FATCA Report

- a) Định kỳ **hàng năm**, chậm nhất là ngày 15 tháng 8, theo yêu cầu của Sở Thuế vụ Hoa Kỳ, Công ty thực hiện lập và gửi báo cáo FATCA cho NHNN theo mẫu được quy định tại Công văn số 6226/NHNN-TTGSNH ngày 07/08/2017. Nếu ngày quy định cuối cùng của thời hạn gửi báo cáo trùng với ngày lễ, ngày nghỉ, thì ngày gửi báo cáo là ngày làm việc cuối cùng ngay trước ngày lễ, ngày nghỉ đó.

*On the annual basis, no later than August 15, at the request of the US Internal Revenue Service, the Company prepares and sends a FATCA report to the SBV according to the form specified in Official Letter No. 6226/NHNN-TTGSNH dated August 07, 2017. If the last day of the report submission deadline coincides with a holiday or a day-off, the report submission date is the last working day immediately preceding that holiday or day-off*

- b) Hình thức báo cáo: Công ty lập báo cáo theo hình thức văn bản điện tử và truyền file qua mạng truyền thông của NHNN các thông tin liên quan đến tài khoản khách hàng Hoa Kỳ phát sinh trong năm tài khóa. Đơn vị nhận báo cáo là Cục Phòng, chống rửa tiền thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

*Reporting form: The Company prepares reports in the form of electronic documents and transmits files via the SBV's communication network with information related to US customer accounts arising in the fiscal year. The unit receiving the report is the Anti-Money Laundering Department under the Banking Supervision and Inspection Agency*

#### **Điều 20. Báo Cáo Bất Thường** **Article 20. Extraordinary Reports**





1. Báo cáo về tỷ lệ vốn khả dụng/*Liquid capital ratio report*

- a) Kể từ khi tỷ lệ vốn khả dụng xuống dưới 180%, Công ty phải báo cáo UBCKNN tỷ lệ vốn khả dụng theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC một (01) tháng hai (02) lần (dữ liệu tại ngày 15 và 30 hàng tháng). Báo cáo phải được gửi bằng tệp thông tin điện tử thực hiện qua hệ thống cơ sở dữ liệu trong vòng ba (03) ngày làm việc sau ngày 15 và 30 hàng tháng.  
*Since its liquid capital ratio falls below 180%, the Company shall submit a liquid capital ratio report in the form provided in the Appendix VI enclosed Circular No. 91/2020/TT-BTC to the SSC twice a month (on the 15th and 30th). Reports shall be sent electronically via the database system within three (03) working days after the 15th and 30th every month*
- b) Kể từ khi tỷ lệ vốn khả dụng xuống dưới 150%, Công ty phải báo cáo UBCKNN tỷ lệ vốn khả dụng một (01) tuần một (01) lần theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC. Báo cáo phải được gửi bằng tệp thông tin điện tử thực hiện qua hệ thống cơ sở dữ liệu trước 16 giờ ngày thứ sáu hàng tuần.  
*Since its liquid capital ratio falls below 150%, the Company company shall submit a weekly report on liquid capital ratio in made using the form provided in the Appendix VI enclosed Circular No. 91/2020/TT-BTC to the SSC. Reports shall be sent electronically via the database system before 16:00 every Friday*
- c) Kể từ khi tỷ lệ vốn khả dụng giảm xuống dưới 120%, Công ty hàng ngày phải báo cáo UBCKNN tỷ lệ vốn khả dụng theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC. Báo cáo phải được gửi bằng tệp thông tin điện tử thực hiện qua hệ thống cơ sở dữ liệu trước 16 giờ hàng ngày.  
*Since its liquid capital ratio falls below 120%, the Company shall submit a daily report on liquid capital ratio in the form provided in the Appendix VI enclosed Circular No. 91/2020/TT-BTC to the SSC. Reports shall be sent electronically via the database system before 16:00 every day*

2. Báo cáo giao dịch trực tuyến/*Online transaction reports*

Công ty phải báo cáo kèm theo các tài liệu liên quan khi có nâng cấp, thay đổi hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến: thay đổi phần mềm hệ thống, thay đổi phương thức giao dịch, thay đổi nhân sự công nghệ thông tin, thay đổi địa điểm đặt hệ thống theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 đến UBCKNN. Thời hạn nộp báo cáo trong vòng bảy (7) ngày làm việc sau khi Công ty thực hiện nâng cấp hoặc thay đổi.

*The Company must report together with relevant documents when there is an upgrade or change to the online securities trading system: change in system software, change in trading method, change in information technology personnel, change the location of the*



system according to the form specified in Appendix 08 issued with Circular No. 134/2017/TT-BTC dated December 19, 2017 to the SSC. The deadline for submitting the report is within seven (7) working days after the Company makes the upgrade or change

3. Báo cáo người hành nghề/Reports on Practitioners

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc phát hiện người hành nghề chứng khoán vi phạm quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty thông báo UBCKNN về tình hình sử dụng người hành nghề theo Mẫu số 87 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, kèm theo hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng (đối với trường hợp tuyển dụng), quyết định chấm dứt hợp đồng lao động (đối với trường hợp nghỉ việc) hoặc biên bản phát hiện vi phạm của người hành nghề chứng khoán (nếu có).

*Within 02 working days from the date of signing the labor contract, terminate the labor contract with the securities practitioner or discover that the securities practitioner commits violations according to the provisions of the law on securities and securities market, the Company shall notify the SSC of the situation of using practitioners according to Form No. 87 of the Appendix issued together with Decree No. 155/2020/ND-CP, together with the labor contract, the recruitment decision (in case of recruitment), the decision on termination of the labor contract (in the case of resignation) or the record on detecting violations of the securities practitioner (if any)*

4. Trong thời hạn ba (3) ngày làm việc, kể từ khi xảy ra các sự kiện dưới đây, Công ty phải báo cáo UBCKNN bằng văn bản:

*Within three (3) working days from the occurrence of the following events, the Company must report to the SSC in writing:*

a) Vay, đầu tư vượt quá hạn mức quy định tại Điều 26 và Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 30/11/2012.

*Borrowing and investing in excess of the limit specified in Articles 26 and 28 of Circular No. 121/2020/TT-BTC dated November 30, 2012*

b) Ngày trụ sở chính Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch khai trương hoạt động.

*The date on which the Company's head office, branches and transaction offices opened for operation*

5. Báo cáo giám sát giao dịch/Transaction monitoring reports

Công ty phải thực hiện báo cáo giám sát giao dịch bất thường đến UBCKNN, SGDCK trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện các giao dịch có dấu hiệu là giao dịch bị cấm quy định tại Luật chứng khoán và Quy chế của SGDCK.





*The Company must make an unusual transaction supervision report to the SSC, the SE within twenty-four (24) hours since detecting transactions showing signs of prohibited transactions stipulated in the Law on Securities and the Regulations of the SE*

Chi tiết nội dung báo cáo giám sát giao dịch bất thường được trình bày chi tiết tại Phụ lục 04 Quy định này.

*Details of the irregular transaction supervision report are detailed in Appendix 04 of this Regulation*

6. Báo cáo liên quan hoạt động giao dịch ký quỹ/*Reports related to margin trading activities*

- a) Trường hợp Công ty thay đổi hệ thống quản lý giao dịch ký quỹ phải báo cáo UBCKNN tối thiểu trước 15 ngày trước ngày dự kiến chính thức tổ chức triển khai thực hiện. Nội dung báo cáo phải chứng minh được hệ thống quản lý giao dịch mới tiếp tục đáp ứng quy định về quản lý giao dịch ký quỹ hiện hành.

*In case the Company changes the margin trading management system, it must report to the SSC at least 15 days before the expected date of official implementation. The content of the report must prove that the new transaction management system continues to meet the current regulations on margin trading management*

- b) Trong trường hợp Công ty tự nguyện chấm dứt giao dịch ký quỹ, Công ty phải báo cáo UBCKNN việc tắt toán dịch vụ giao dịch ký quỹ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn tất việc thanh lý các Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ.

*In case the Company voluntarily terminates margin trading, the Company must report to the SSC the settlement of margin trading services within 15 days from the date of completion of the liquidation of contracts for opening margin trading accounts*

Tài liệu báo cáo bao gồm:

*Reporting documents include:*

- (i) Báo cáo chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017;  
*Report on termination of margin trading according to the form specified in Appendix 2 issued with Decision No. 87/QĐ-UBCK dated January 25, 2017*

- (ii) Báo cáo kết quả thanh lý hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ;  
*Report on the results of liquidation of the contract to open a margin trading account*

- (iii) Quyết định của HĐQT về việc chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ.



*Decision of the COM on termination of margin trading*

7. Báo cáo về hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh/*Reports on derivatives trading activities*

Công ty phải báo cáo bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử cho UBCKNN trong thời hạn tối đa 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau đây:

*The Company must report in writing or electronically to the SSC within 24 hours from the occurrence of the following events:*

- a) Thay đổi thành viên bù trừ.  
*Change of clearing members*
- b) Khi có các sự cố liên quan đến hệ thống giao dịch (nhận, đặt lệnh).  
*When there are problems related to the transaction system (receiving, placing orders)*
- c) Công ty (là thành viên bù trừ) có vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu giảm trên 10% so với vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính năm đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên soát xét hoặc báo cáo tài chính quý gần nhất; Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu vượt quá 05 lần.  
*The Company (as a clearing member) has charter capital or equity reduced by more than 10% compared to the charter capital and equity in the audited annual financial statements or reviewed semi-annual financial statements or the latest quarterly financial statement; Debt-to-equity ratio exceeds 05 times*

8. Báo cáo hoạt động lưu ký/*Reports on depository activities*

Công ty phải gửi cho TTLKCK báo cáo bất thường chậm nhất 01 ngày làm việc khi xảy ra các sự kiện sau đây:

*The Company must send to the VSD an extraordinary report within 01 working day from the occurrence of the following events:*

- a) Hệ thống phục vụ cho hoạt động đăng ký, lưu ký và thanh toán tại thành viên lưu ký gặp sự cố.  
*The system for registration, depository and payment activities at depository members has problems*
- b) Xảy ra các sự việc liên quan đến hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của khách hàng.  
*Occurrence of events related to securities registration, depository, clearing and settlement activities, causing serious damage to customers' interests*





9. Báo cáo bất thường liên quan đến SGDCK Việt Nam/*Extraordinary reports related to the VNX*

Công ty phải gửi cho SGDCK Việt Nam báo cáo bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

*The Company must send the VNX an extraordinary report within 24 hours from the occurrence of one of the following events:*

- a) Bị đình chỉ một hoặc một số hoạt động kinh doanh chứng khoán, kinh doanh chứng khoán phái sinh.  
*Suspending one or several securities trading activities, trading derivatives*
- b) Bị mất khả năng thanh toán.  
*Insolvency*
- c) Thay đổi thành viên bù trừ kèm hợp đồng ủy thác bù trừ ký với thành viên bù trừ thay thế (đối với thành viên không bù trừ).  
*Change the clearing member together with the clearing trust contract signed with the replacement clearing member (for non-clearing members)*
- d) Thay đổi các tài liệu theo danh mục quy định tại Phụ lục 03/QLTV ban hành kèm theo Quy chế số 01/QĐ-SGDVN ngày 20 tháng 01 năm 2022, cụ thể:  
*Change the documents according to the list specified in Appendix 03/QLTV issued with Regulation No. 01/QĐ-SGDVN dated January 20, 2022, specifically:*
  - (i) Đối với tổ chức là thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết:  
*For organizations that are listed securities trading members:*
    - Quy trình đóng mở tài khoản.  
*Process of account opening and closing*
    - Quy trình sửa lỗi trong giờ giao dịch.  
*Process of error correction during trading hours*
    - Quy trình tiếp nhận và xử lý lệnh giao dịch của khách hàng:  
*Process of receiving and processing orders from customers:*
      - Phương thức tiếp nhận lệnh: qua quầy, qua điện thoại, qua website,...;  
*Method of receiving orders: over the counter, by phone, via the website, etc.*
      - Kiểm soát lệnh;  
*Controlling orders*



- Truyền lệnh.  
*Transmitting orders*

- Quy trình đối chiếu số dư và quản lý tiền gửi của người đầu tư tại ngân hàng thương mại; Hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết giữa Công ty và ngân hàng thương mại về việc quản lý tiền gửi giao dịch của nhà đầu tư.  
*Process of balance reconciliation and the deposit management of investors at commercial banks; Contract or agreement signed between the Company and the commercial bank on the management of transaction deposits of investors*

- Các mẫu phiếu lệnh.  
*Order form templates*

- Tài liệu hướng dẫn nhà đầu tư tham gia giao dịch tại SGDCK Tp. Hồ Chí Minh, SGDCK Hà Nội.  
*Manuals for investors to participate in trading at the HOSE and the HNX*

- Quy trình tự doanh.  
*Process of self- securities*

(ii) Đối với tổ chức là thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh:  
*For organizations that are derivatives trading members:*

- Quy trình mở tài khoản kèm theo mẫu hợp đồng mở tài khoản.  
*Process of opening an account with the form of the account opening contract*

- Quy trình giao dịch.  
*Process of transaction*

- Quy trình sửa lỗi trong giờ giao dịch.  
*Process of error correction during trading hours*

- Quy trình vận hành hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh.  
*Process of operation of derivatives trading system*

10. Báo cáo bất thường liên quan đến khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn/*Extraordinary reports related to customers who are insiders, related people of insiders, or major shareholders*





Công ty phải gửi báo cáo cho SGDCK Việt Nam, SGDCK Tp. Hồ Chí Minh hoặc SGDCK Hà Nội nơi chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch về việc **bán giải chấp** hoặc **không thực hiện bán giải chấp** hoặc **không bán được chứng khoán giải chấp** của khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn **chậm nhất vào cuối ngày giao dịch hoặc ngày dự kiến giao dịch.**

*The Company must send the VNX, HOSE or HNX where securities are listed, registered for trading on the sale of mortgaged securities, or fail to sell mortgaged securities or cannot sell mortgaged securities of customers who are insiders, related persons of insiders, major shareholders no later than the end of the trading day or the expected trading day.*

11. Báo cáo về phòng, chống rửa tiền/AML Report

Hàng năm, Công ty sẽ cập nhật, sửa đổi, bổ sung kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố và chính sách, quy trình quản lý rủi ro đã ban hành và gửi NHNN (Cục Phòng, chống rửa tiền) và UBCKNN trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được ký, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung; đồng thời sẽ được phổ biến, công khai trong toàn hệ thống Công ty.

*Annually, the Company will update, amend and supplement the results of risk assessment on money laundering, terrorist financing, and risk management policies/procedures that have been issued and send this to the SBV (Department of Anti-Money Laundering and Anti-Money Laundering) and the SSC within 30 (thirty) days from the date of signing, new issuance or amendment or supplement; and will be disseminated and publicized throughout the Company's system.*

12. Báo cáo về hành vi vi phạm của Tổ chức phát hành/ Report on violations of the Issuer

Trong vai trò là Đại diện người sở hữu trái phiếu, Công ty sẽ thực hiện chế độ báo cáo cho UBCKNN, SGDCK trong trường hợp phát hiện tổ chức phát hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của người sở hữu trái phiếu.

*As a representative of bondholders, the Company will report to the SSC and the SE whenever the issuer is found to have committed violations which adversely affect legitimate rights and interests of bondholders.*

**Điều 21. Báo Cáo Theo Yêu Cầu**

**Article 21. Reports on request**

- a) Công ty phải thực hiện báo cáo bằng văn bản theo thời hạn được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK, TTLKCK và các cơ quan có thẩm quyền khác.

*The Company must make a written report within the time limit requested by the SSC, SE, and VSD and other competent authorities*

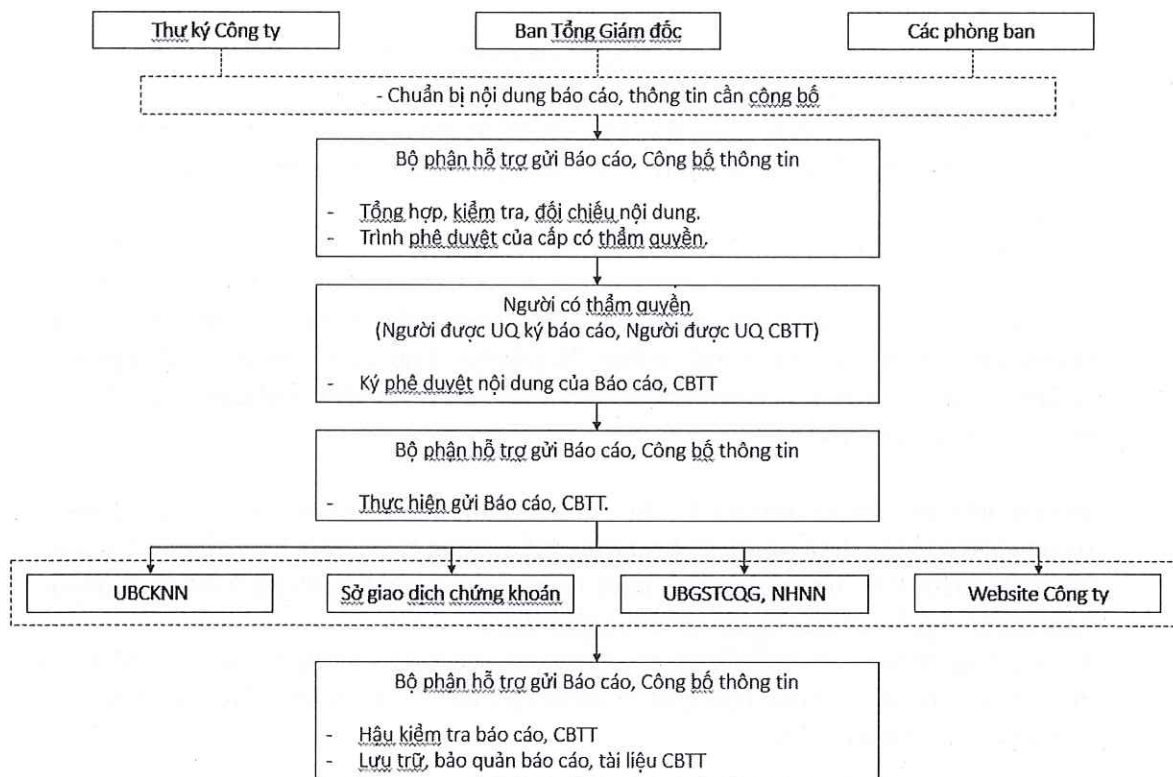
- b) Công ty phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo liên quan đến hoạt động kết nối và các đợt thử nghiệm hệ thống do HNX, HOSE tổ chức



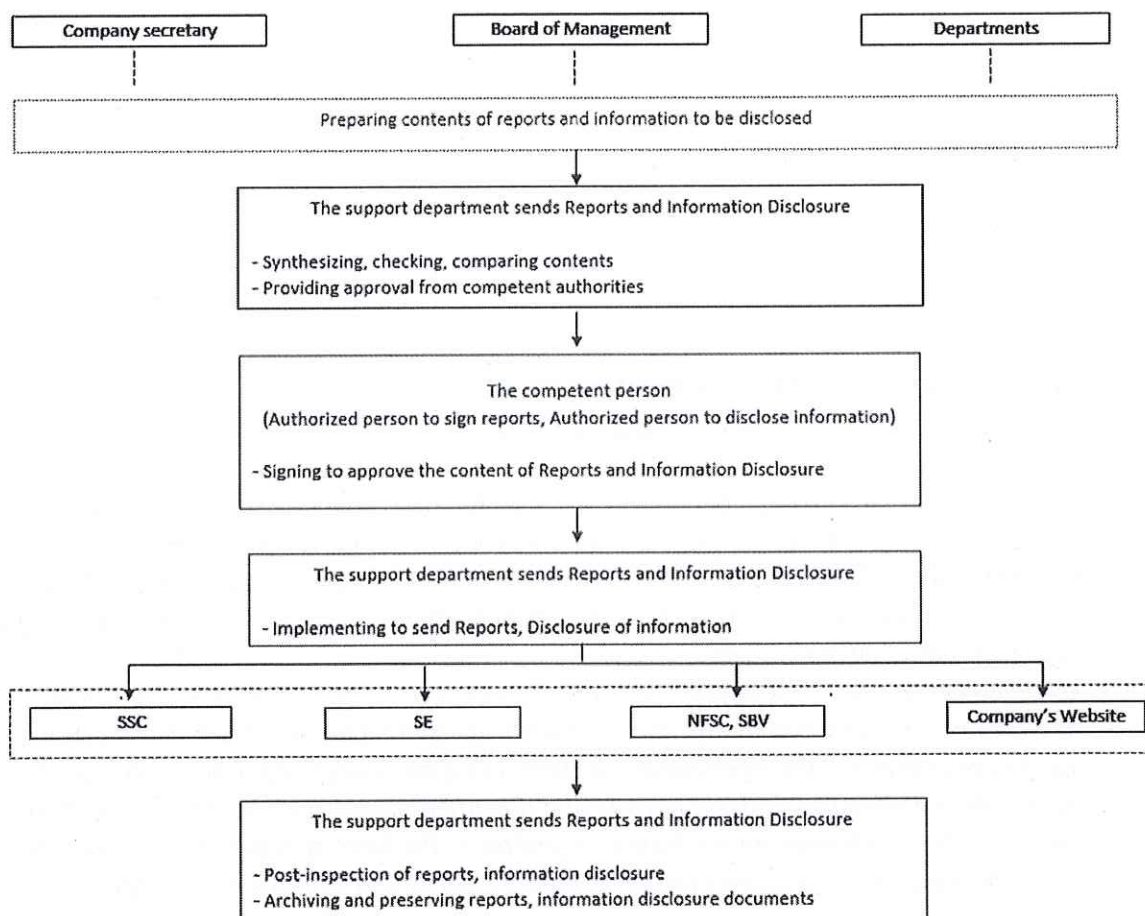
*The Company must perform reporting obligations related to connection activities and system testing sessions organized by the HNX, the HOSE*

**CHƯƠNG IV: QUY TRÌNH XỬ LÝ, BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN  
CHAPTER IV: PROCEDURES FOR HANDLING, REPORTING, INFORMATION DISCLOSURE AND  
INFORMATION STORAGE**

**Điều 22. Sơ Đồ Quy Trình Báo Cáo/Công Bố Thông Tin  
Article 22. Process Diagram of Reporting/ Information Disclosure**







### Điều 23. Chuẩn Bị Nội Dung Báo Cáo Và Thông Tin Công Bố

#### Article 23. Preparing contents of Reports and Information Disclosure

- Các hoạt động phát sinh tại Công ty mà theo Quy định này hoặc theo quy định của pháp luật yêu cầu phải thực hiện công bố thông tin hoặc gửi Báo cáo thì các bộ phận liên quan thực hiện các hoạt động này có trách nhiệm chủ động chuẩn bị nội dung, báo cáo cần được công bố, báo cáo theo quy định tại Phụ lục đính kèm Quy định này.

*Activities arising at the Company that are required by this Regulation or by the law to implement information disclosures or send reports, the relevant departments performing these activities are responsible to proactively prepare contents and reports to be published and reported according to the provisions in the Appendix attached to this Regulation*
- Thông tin báo cáo, công bố phải được lập theo đúng mẫu quy định (nếu có) và được Trưởng bộ phận phê duyệt; sau đó chuyển đến Bộ phận hỗ trợ gửi báo cáo bằng email của Công ty.



*Reported and disclosed information must be made according to the prescribed form (if any) and approved by the Head of the Department; then it will be forwarded to the Support Department to send the report by the Company's email*

3. Đảm bảo thông tin báo cáo, công bố phải được gửi đúng thời hạn theo Danh sách báo cáo được nhận định kỳ vào đầu tháng từ Phòng Pháp chế - Tuân thủ.  
*Ensuring that the reported and disclosed information must be sent on time according to the Report List received periodically at the beginning of the month from the Legal - Compliance Department*

#### **Điều 24. Tổng hợp, Kiểm Tra, Đối Chiếu Nội Dung Báo Cáo, CBTT**

##### **Article 24. Synthesizing, Checking and Comparing Contents of Reports, Information Disclosure**

1. Khi nhận được các báo cáo hoặc thông tin cần được báo cáo, công bố do các phòng ban có liên quan cung cấp, bộ phận phụ trách gửi báo cáo, CBTT phải tổng hợp, kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về báo cáo và CBTT; soạn báo cáo, văn bản theo mẫu (nếu có) và công văn CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục 05, 06 Quy định này để trình người có thẩm quyền ký duyệt.  
*When receiving reports or information to be reported or disclosed that provided by relevant departments, the department in charge of sending reports and information disclosure must synthesize and check the information content, compare it with regulations on reports and information disclosure; drafting reports and documents according to the form (if any) and the dispatch on information disclosure according to the form specified in Appendix 05 and 06 of this Regulation to submit to the competent person for signature and approval*
2. Trường hợp phòng ban cung cấp thông tin cũng là bộ phận phụ trách gửi báo cáo, CBTT thì phòng ban đó chịu trách nhiệm thực hiện thủ tục kiểm tra, đối chiếu nội dung theo quy định của Quy định này.  
*In case the information-providing department is also the department in charge of sending reports and information disclosure, that department is responsible for carrying out the procedures for checking and comparing content according to the provisions of this Regulation*
3. Việc xử lý thông tin này phải được thực hiện trong thời hạn đảm bảo việc báo cáo, CBTT được hoàn tất theo quy định của pháp luật tùy vào loại báo cáo, CBTT.  
*The processing of this information must be implemented within the time limit to ensure that reports and information disclosures are completed in accordance with the law, depending on the type of report and information disclosure*

#### **Điều 25. Phê Duyệt Nội Dung Báo Cáo, CBTT**

##### **Article 25. Content Approval of Reports and Information Disclosure**





1. Người có thẩm quyền phải ký phê duyệt toàn bộ thông tin, báo cáo trước khi công bố hoặc báo cáo để đảm bảo thực hiện việc báo cáo, CBTT đúng hạn theo quy định tại Quy định này.  
*A competent person must sign and approve all information and reports before disclosing or reporting to ensure that it's timely reported and disclosed as prescribed in this Regulation*

#### **Điều 26. Thực Hiện Gửi Báo Cáo, Công Bố Thông Tin**

#### **Article 26. Implementing of Sending Reports and Information Disclosure**

1. Căn cứ vào báo cáo, văn bản cần báo cáo, CBTT đã được phê duyệt, bộ phận phụ trách gửi báo cáo, CBTT có trách nhiệm gửi Báo cáo và/hoặc CBTT đã được phê duyệt bằng cách gửi văn bản Báo cáo, CBTT, thông qua các tệp điện tử, và/hoặc các hình thức khác đến UBCKNN và/hoặc SGDCK và/hoặc TTLKCK và/hoặc UBGSTCQG và/hoặc NHNN và/hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định.  
*Based on the approved report, document to be reported, information disclosure, the department in charge of sending the report and/or the information disclosure is responsible for submitting the approved report and/or information disclosure by sending the report and/or information disclosure through electronic files, and/or other medias to the SSC and/or the SE and/or the VSD and/or the NFSC and/or the SBV and/or other competent authorities as prescribed*
2. Trường hợp gửi Báo cáo, CBTT qua email, bộ phận phụ trách gửi báo cáo, CBTT phải sử dụng email [cbtt@yuanta.com.vn](mailto:cbtt@yuanta.com.vn) để thực hiện việc gửi Báo cáo, CBTT.  
*In case of sending the report, information disclosure via email, the department in charge of sending the report and information disclosure must use the email [cbtt@yuanta.com.vn](mailto:cbtt@yuanta.com.vn) to send the Report and ID*
3. Đồng thời, đối với việc CBTT theo quy định tại Quy định này, bộ phận phụ trách gửi báo cáo, CBTT phải đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử của Công ty và phải chịu trách nhiệm về nội dung đăng tải, đảm bảo nội dung đăng tải và văn bản CBTT là cùng một nội dung.  
*At the same time, for information disclosure according to the provisions of this Regulation, the department in charge of sending reports, information disclosure must publish information on the Company's website and must be responsible for the published content and make sure that the published content and information disclosure are the same*
4. Nội dung Báo cáo, CBTT gửi cho các cơ quan có thẩm quyền phải đảm bảo đúng với bản đã được ký, đóng dấu.  
*The contents of the report and information disclosure sent to the competent authorities must be consistent with the signed and stamped version*
5. Sau khi Báo cáo, thông tin công bố đã được gửi đi, bộ phận phụ trách gửi báo cáo, CBTT có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu lại số liệu, nội dung đã được báo cáo, CBTT. Nếu phát hiện



có sai sót hoặc nội dung không đúng, bộ phận phụ trách gửi báo cáo, CBTT gửi ý kiến yêu cầu các phòng ban có liên quan đến nội dung sai sót để thực hiện việc đính chính Báo cáo và/hoặc CBTT.

*After the report and information disclosure have been sent, the department in charge of sending the report and information disclosure is responsible for checking and comparing the data and contents of the reported and disclosed information. If there are errors or incorrect content, the department in charge of sending reports and information disclosure will send their opinion to request the departments related to the erroneous content to correct the Report and/or ID*

### **Điều 27. Lưu Trữ Tài Liệu Báo Cáo, Công Bố Thông Tin**

#### **Article 27. Archiving Documents of Reports and Information Disclosure**

1. Bộ phận phụ trách gửi báo cáo, CBTT lập hồ sơ cho từng thông tin được báo cáo, công bố. Nội dung báo cáo, CBTT phải được lưu ở dạng file word/excel, scan và file gốc (hồ sơ giấy, văn bản) bao gồm đầy đủ tất cả chữ ký của người có liên quan (người lập, người phê duyệt) theo quy định của pháp luật và các quy định khác của Công ty (nếu có).

*The department in charge of sending reports and disclosing information shall make a dossier for each reported and disclosed information. The content of the report and information disclosure must be saved in the form of word/excel, scanned and original files (paper records, documents) including all signatures of relevant persons (formers, approvers) in accordance with the law and other regulations of the Company (if any)*

2. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu trữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

*Periodically disclosed information must be archived in written and electronic form for at least 10 years. This information must be stored on the Company's website for at least 5 years*

3. Các Báo cáo, thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử và trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 năm.

*Reports and information are disclosed in extraordinary or on-request must be archived in written and electronic data and on the Company's website for at least 05 years*

4. Hồ sơ lưu trữ được lưu theo trình tự thời gian và phân loại hồ sơ một cách khoa học đảm bảo việc tìm kiếm, kiểm tra chứng từ hồ sơ được dễ dàng và nhanh chóng.

*Archived records are kept in chronological order and classified in a scientific way to ensure easy and fast searching and checking of documents*

### **Điều 28. Tạm Hoãn Và Bảo Lưu Chưa Công Bố Thông Tin**

#### **Article 28. Postponement and Reservation of Undisclosed Information**



1. Trường hợp việc báo cáo, CBTT không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, ...), trong điều kiện cho phép, Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn báo cáo, CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn báo cáo, CBTT; đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.  
*In case the reports and ID cannot be completed on time due to force majeure reasons (natural disasters, fires, etc.), in the permissible conditions, the Company must immediately report to the SSC, the SE on the postponement of reports, ID upon occurrence of the event, clearly stating the reasons for the postponement of reports, ID; at the same time announced the suspension of ID*
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.  
*Immediately after the force majeure situation has been overcome, the Company must fully disclose information that has not been disclosed before in accordance with the law*

#### **Điều 29. Cải Chính Công Bố Thông Tin**

##### **Article 29. Correction of Information Disclosure**

1. Công ty có trách nhiệm đính chính thông tin báo cáo, CBTT nếu Công ty nhận thấy thông tin đã báo cáo, CBTT là chưa chính xác, chưa đúng với yêu cầu hoặc được yêu cầu thực hiện báo cáo, CBTT lại.  
*The Company is responsible for correcting the report and ID if the Company finds out that the reported and disclosed information is inaccurate or inconsistent with the requirements or is required to re-report and re-disclose information*
2. Việc đính chính Báo cáo, CBTT được thực hiện theo quy trình tại Điều 22 Quy định này.  
*The correction of reports and ID shall be carried out according to the process in Article 22 of this Regulation*

#### **Điều 30. Xử Lý Vi Phạm Về Công Bố Thông Tin**

##### **Article 30. Handling Violations on Information Disclosure**

Cá nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty về báo cáo, CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định pháp luật.  
*Individuals who violate the laws and regulations of the Company on reports and ID, depending on the nature and seriousness of their violations, will be disciplined, administratively sanctioned or examined for criminal liability; if causing damage, they must compensate according to the law*

#### **Điều 31. Thực Hiện Báo Cáo, CBTT Trong Tình Huống Khẩn Cấp**

##### **Article 31. Implementing of Reporting and Information Disclosure in Emergency Situations**



Đối với các tình huống khẩn cấp, nhằm ngăn chặn sự gián đoạn, hạn chế việc gửi Báo cáo, CBTT trễ, các phòng ban liên quan có thể linh hoạt sử dụng hình thức phê duyệt khác nhằm đảm bảo Báo cáo, CBTT được thực hiện kịp thời. Các thủ tục, chứng từ còn thiếu cần phải bổ sung ngay sau đó theo đúng quy định của Quy định này.

*For emergency situations, in order to prevent disruption and limit the late submission of Reports and IDs, relevant departments have the flexibility to use other forms of approval to ensure that Reports and IDs are implemented in a timely manner. Missing procedures and documents need to be supplemented immediately in accordance with the provisions of this Regulation*

## **CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHAPTER V: ORGANIZATION & IMPLEMENTATION**

### **Điều 32. Hiệu Lực Thi Hành**

#### **Article 32. Effect**

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quy trình về báo cáo và công bố thông tin được ban hành kèm theo Quyết định số 009/2022/QT-YSVN ngày 29 tháng 04 năm 2022.

*This Regulation comes into force from the date of signing for promulgation and replaces The process of information disclosure issued together with Decision No. 009/2022/QT-YSVN dated April 29, 2022*

2. Các đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.  
*Relevant entities are responsible for the implementation of this Regulation*

### **Điều 33. Sửa Đổi, Bổ Sung**

#### **Article 33. Amendments and Supplements**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Ban Tổng Giám đốc đề xuất xem xét và quyết định.  
*The amendments and supplements to this Regulation are proposed to consider and decide by the BOM*

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động báo cáo, CBTT của Công ty chưa được đề cập trong Quy định này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy định này thì những quy định đó của pháp luật đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động báo cáo, CBTT của Công ty.

*In case there are legal provisions related to activities of the Company's reporting and ID that has not been mentioned in this Regulation or in case there are new provisions of the law different from those of the Company, those provisions of the law are automatically applied and will govern the reporting and information disclosure activities of the Company*





**Điều 34. Điều Khoản Chuyển Tiếp**  
**Article 34. Transitional Regulations**

1. Tại thời điểm Quy định này được ban hành:  
*At the time this Regulation is issued:*

- Hệ thống nhận CBTT điện tử của SGDCK Việt Nam đồng nhất với hệ thống CIMS của SGDCK Hà Nội theo Công văn số 142/SGDVN-QLTV ngày 01/04/2022.  
*The system to receive the electronic information disclosure of the VNX is identical with the CIMS system of the HNX according to Official Letter No. 142/SGDVN-QLTV dated April 01, 2022.*

- Trong thời gian SGDCK chưa có thông báo chính thức về việc dừng gửi báo cáo đến SGDCK Hà Nội và SGDCK Tp. Hồ Chí Minh, trường hợp chuyên viên quản lý thành viên tại SGDCK có yêu cầu khác về việc thực hiện báo cáo và công bố thông tin, Công ty thực hiện theo yêu cầu của chuyên viên.

*During the time the SE has not issued an official announcement about terminating sending reports to the HNX and the HOSE, in case a member management specialist at the SE has other requirements on reporting and information disclosure, the Company will comply with that request of the specialist.*

**Người lập**

Họ tên: **Huỳnh Ngọc Duyên**  
Chức vụ: GD Pháp chế & Tuân thủ

**Người duyệt**



Họ tên: **Nguyễn Thanh Tùng**  
Chức vụ: Tổng Giám Đốc



**PHỤ LỤC 01  
APPENDIX 01**

**TÓM TẮT DANH MỤC VÀ THỜI HẠN THỰC HIỆN BÁO CÁO, CBTT ĐỊNH KỲ  
SUMMARY OF LIST AND DURATION FOR IMPLEMENTATION OF PERIODIC REPORTS AND INFORMATION DISCLOSURE**

STT	Tên báo cáo	Định kỳ	Hạn nộp báo cáo	Phòng ban cung cấp số liệu, thông tin	Thời gian cung cấp số liệu, thông tin	Bộ phận thực hiện gửi Báo cáo, CBTT	Nơi nhận báo cáo	Hình thức gửi báo cáo
1	Báo cáo tài chính <i>Financial statement</i>	Quý <i>Quarterly</i>	Ngày 20 của quý tiếp theo <i>20th of the next quarter</i>	Kế toán <i>F&amp;A</i>	Ngày 20 của quý tiếp theo <i>20th of the next quarter</i>	Kế toán <i>F&amp;A</i>	SSC VNX NFSC SBV	SCMS CIMS FMSIS  Email: NFSC, SBV
		Bán niên <i>Semi-annual</i>	Không quá 45 ngày từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính, nhưng không quá 5 ngày kể từ ngày ký báo cáo <i>Not more than 45 days from the end of the first 6 months of the fiscal year, but not more than 5 days from the date of signing the report</i>		Không quá 45 ngày từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính, nhưng không quá 5 ngày kể từ ngày ký báo cáo <i>Not more than 45 days from the end of the first 6 months of the fiscal year, but not more than 5 days from the date of signing the report</i>			
		Năm <i>Annual</i>	Không quá 90 ngày từ ngày kết thúc năm tài chính, nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày ký báo cáo <i>Not more than 90 days from the end of the financial year, but not more than 10 days from the date of signing the report</i>		Không quá 90 ngày từ ngày kết thúc năm tài chính, nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày ký báo cáo <i>Not more than 90 days from the end of the financial year, but not more than 10 days from the date of signing the report</i>			
2	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính <i>Report on Capital Adequacy Ratio</i>	Tháng <i>Monthly</i>	07 ngày làm việc của tháng tiếp theo <i>07 working days of the next month</i>		07 ngày làm việc của tháng tiếp theo <i>07 working days of the next month</i>		SSC NFSC	SCMS FMSIS  Email: NFSC, SBV
		Bán niên <i>Semi-annual</i>	Không quá 45 ngày từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính, nhưng không quá 5 ngày kể từ ngày ký báo cáo <i>Not more than 45 days from the end of the first 6 months of the fiscal year, but not more than 5 days from the date of signing the report</i>		Không quá 45 ngày từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính, nhưng không quá 5 ngày kể từ ngày ký báo cáo <i>Not more than 45 days from the end of the first 6 months of the fiscal year, but not more than 5 days from the date of signing the report</i>			





		Năm <i>Annual</i>	Không quá 90 ngày từ ngày kết thúc năm tài chính, nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày ký báo cáo <i>Not more than 90 days from the end of the financial year, but not more than 10 days from the date of signing the report</i>		Không quá 90 ngày từ ngày kết thúc năm tài chính, nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày ký báo cáo <i>Not more than 90 days from the end of the financial year, but not more than 10 days from the date of signing the report</i>			
3	Báo cáo tài sản nợ - tài sản có <i>Assets - liabilities Reports</i>	Tháng <i>Monthly</i>	Ngày 15 của tháng tiếp theo <i>15th of the next month</i>		Ngày 15 của tháng tiếp theo <i>15th of the next month</i>		NFSC SBV	FMSIS Email: NFSC, SBV
		Quý <i>Quarterly</i>	Ngày 20 của quý tiếp theo <i>20th of the next quarter</i>		Ngày 20 của quý tiếp theo <i>20th of the next quarter</i>			
4	Báo cáo khoản vay nước ngoài <i>Foreign loan statement</i>	Quý <i>Quarterly</i>	Chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo ngay sau quý báo cáo <i>No later than the 5th of the next month right after the reporting quarter</i>		Chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo ngay sau quý báo cáo <i>No later than the 5th of the next month right after the reporting quarter</i>		NHNN – CN. HCM SBV – HCM Branch	Bản cứng <i>Hard copy</i>
5	Báo cáo hoạt động (gửi SSC, NFSC) <i>Operational Report (sent to SSC, NFSC)</i>	Tháng <i>Monthly</i>	Ngày làm việc thứ 5 của tháng tiếp theo <i>The 5th working day of the next month</i>	Pháp chế Nhân sự Nghiệp vụ Kế toán Ngân hàng đầu tư Nghiên cứu – Phân tích QTRR L&C HR BCC F&A IB Research Risk & Credit	Trước ngày làm việc thứ 3 của tháng tiếp theo <i>Before the 3rd working day of the next month</i>	Pháp chế L&C	SSC VNX NFSC SBV	SCMS CIMS FMSIS Email: NFSC Bản cứng/ <i>Hard copy</i> : SSC
		Quý <i>Quarterly</i>	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý <i>20 days from the end of the quarter</i>		Ngày 15 của quý tiếp theo <i>The 15th of the next quarter</i>			
		6 tháng <i>6 months</i>	45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính <i>45 days from the end of the first 6 months of the fiscal year</i>		Trước ngày 01/08 <i>Before August 1st</i>			
		Năm <i>Annual</i>	Trước 20/1 của năm tiếp theo <i>Before January 20th of the next year</i>		Trước 15/1 của năm tiếp theo <i>Before January 15th of the next year</i>			
	Báo cáo hoạt động (gửi VNX) <i>Operational Report (sent to VNX)</i>	Tháng <i>Annual</i>	Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng <i>Within 10 working days from the end of the month</i>		Trước ngày làm việc thứ 7 của tháng tiếp theo <i>Before the 7th working day of the next month</i>			
		Năm <i>Annual</i>	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm <i>Within 30 days from the end of the year</i>		Trước 15/1 của năm tiếp theo <i>Before January 15th of the next year</i>			
6	Báo cáo hoạt động kinh doanh CKPS	Tháng <i>Monthly</i>	Trong vòng 10 ngày đầu của tháng tiếp theo	Pháp chế Nhân sự	Trong vòng 6 ngày đầu của tháng tiếp theo		SSC	SCMS Bản cứng/ <i>Hard copy</i>



	<i>derivative securities business activity report</i>		<i>Within the first 10 days of the next month</i>	Kê toán L&C HR F&A	<i>Within the first 06 days of the next month</i>		
		Quý <i>Quarterly</i>	Trong vòng 20 ngày đầu của Quý tiếp theo <i>Within the first 20 days of the next quarter</i>		Trong vòng 15 ngày đầu của Quý tiếp theo <i>Within the first 15 days of the next quarter</i>		
		Năm <i>Annual</i>	Trong vòng 90 ngày đầu của Năm tiếp theo <i>Within the first 90 days of the next year</i>		Trong vòng 60 ngày đầu của Năm tiếp theo <i>Within the first 60 days of the next year</i>		
7	Báo cáo Hạ tầng CNTT <i>IT Infrastructure Report</i>	Năm <i>Annual</i>	31/1	Giải pháp công nghệ TS	Trước 20/01 <i>Before January 20th</i>		HNX  CIMS
8	Báo cáo QTRR <i>Risk Management Report</i>	Bán niên <i>Semi-annual</i>	30/7	QTRR <i>Risk &amp; Credit</i>	Trước 20/07 <i>Before July 20th</i>		SSC  SCMS Bản cứng <i>Hard copy</i> SCMS
		Năm <i>Annual</i>	31/1		Trước 20/01 <i>Before January 20th</i>		
	Chính sách QTRR <i>Risk management Policy</i>	Năm <i>Annual</i>	31/1		Trước 20/01 <i>Before January 20th</i>		
9	Báo cáo Giao dịch trực tuyến <i>Online Transaction Report</i>	Năm <i>Annual</i>	31/1	Giải pháp công nghệ TS	Trước 20/01 <i>Before January 20th</i>		SSC  SCMS, bản cứng <i>Hard copy, SCMS</i>
10	Báo cáo người hành nghề <i>Report on Practitioner</i>	Năm <i>Annual</i>	20/1	Nhân sự HR	Trước 15/01 <i>Before January 15th</i>		SSC  SCMS, bản cứng <i>Hard copy, SCMS</i>
11	Báo cáo PCRT <i>Anti-Money Laundering Report</i>	Năm <i>Annual</i>	28/02	Kiểm toán nội bộ IA	Trước 15/02 <i>Before February 15th</i>		Cục PCRT – NHNN – AML Department - SBV  Email, Bản cứng <i>Hard copy, email</i>
12	Báo cáo Danh sách giao dịch ký quỹ <i>Report on Margin Trading List</i>	Tháng <i>Monthly</i>	Trước ngày làm việc thứ 5 của tháng tiếp theo <i>Before the 5th working day of the next month</i>	QTRR <i>Risk &amp; Credit</i>	Trước ngày làm việc thứ 2 của tháng tiếp theo <i>Before the 2nd working day of the next month</i>		VNX  CIMS
		Quý <i>Quarterly</i>	Trong vòng 10 ngày làm việc đầu tiên của quý báo cáo <i>Within the first 10 working days of the reporting quarter</i>		Trước ngày làm việc thứ 7 của quý báo cáo <i>Before the 7th working day of the reporting quarter</i>		VNX  CIMS





13	Báo cáo Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài <i>Report on Transactions of Foreign Investors</i>	Tháng <i>Monthly</i>	Ngày làm việc thứ 5 của tháng tiếp theo <i>the 5th working day of the next month</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	Trước ngày làm việc thứ 5 của tháng tiếp theo <i>Before the 5th working day of the next month</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	SSC	SCMS
14	Báo cáo giám sát giao dịch <i>Transaction Monitoring Report</i>	Tháng <i>Monthly</i>	Ngày làm việc thứ 5 của tháng tiếp theo <i>the 5th working day of the next month</i>	Pháp chế <i>L&amp;C</i>	Trước ngày làm việc thứ 2 của tháng tiếp theo <i>Before the 2nd working day of the next month</i>	Pháp chế <i>L&amp;C</i>	SSC	SCMS, bản cứng <i>Hard copy, SCMS</i>
			Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng <i>Within the 10 working days from the end of the month</i>	Nghiệp vụ (bao gồm cả Thanh toán) Giải pháp công nghệ Và phòng ban phát hiện bất thường <i>BCC (include Settlement) TS And other departments which detected anomalies</i>	Trước ngày làm việc thứ 7 của tháng tiếp theo <i>Before the 7th working day of the next month</i>		VNX	CIMS
15	Báo cáo Tình hình thực hiện giấy phép thiết lập Website <i>Report on the implementation status of the License to set up Website</i>	Năm <i>Annual</i>	Trước ngày 15/01 <i>Before January 15th</i>	Giải pháp công nghệ <i>TS</i>	Trước ngày 10/01 <i>Before January 10th</i>		Sở TTTT nơi đặt trụ sở chính <i>Department of Information and Communications in the locality where the Company registered its head office</i>	Bản cứng <i>Hard copy</i>
16	Báo cáo đóng mở tài khoản <i>Account opening and closing report</i>	Tháng <i>Monthly</i>	Ngày làm việc thứ 5 của tháng tiếp theo <i>The 5th working day of the next month</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	Trước ngày làm việc thứ 3 của tháng tiếp theo <i>Before the 3rd working day of the next month</i>		HOSE	ECM Email: HOSE, bản cứng/ <i>Hard copy</i>
			Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng <i>Within 10 working days from the end of the month</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	Trước ngày làm việc thứ 7 của tháng tiếp theo <i>Before the 7th working day of the next month</i>	VNX	CIMS	
17	Báo cáo số dư chứng khoán	Tháng <i>Monthly</i>	Ngày làm việc thứ 5 của tháng tiếp theo	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	Trước ngày làm việc thứ 5 của tháng tiếp theo	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	VSD	Bản cứng <i>Hard copy</i>



	<i>Securities balance report</i>		<i>The 5th working day of the next month</i>		<i>Before the 5th working day of the next month</i>			
18	Báo cáo tình hình giao dịch chứng khoán phái sinh hàng ngày <i>Daily report on status of derivatives trading transactions</i>	Ngày <i>Daily</i>	10h sáng ngày làm việc tiếp theo <i>10 am the next working day</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	Trước 10h sáng ngày làm việc tiếp theo <i>Before 10 am the next working day</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	SSC	SCMS
19	Báo cáo tình hình tiền gửi giao dịch chứng khoán <i>Report status on deposit for securities transactions</i>	Tuần <i>Weekly</i>	16 giờ ngày thứ 2 <i>4:00 p.m on Mondays</i>	Kế toán, Nghiệp vụ <i>F&amp;A BCC</i>	Trước 16 giờ ngày thứ 2 <i>Before 4:00 p.m on Mondays</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	SSC	SCMS
20	Báo cáo tình hình môi giới và tự doanh chứng khoán niêm yết <i>Report on brokerage and self-trading of listed securities</i>	Ngày <i>Daily</i>	8h sáng ngày hôm sau <i>8 am the next day</i>	QTRR <i>Risk &amp; Credit</i>	Trước 8h sáng ngày hôm sau <i>Before 8 am the next day</i>	QTRR <i>Risk &amp; Credit</i>	SSC	SCMS
		Tuần <i>Weekly</i>	10h sáng của tuần làm việc kế tiếp tuần báo cáo <i>10 am the next working week of the report week</i>	QTRR <i>Risk &amp; Credit</i>	Trước 10h sáng của tuần làm việc kế tiếp tuần báo cáo <i>Before 10 am the next working week of the report week</i>	QTRR <i>Risk &amp; Credit</i>	SSC	SCMS
21	Báo cáo của tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu <i>Report of the bond registration and depository organization</i>	Quý <i>Quarterly</i>	Ngày 15 tháng đầu tiên của Quý tiếp theo <i>The 15th day of the first month of the next Quarter</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	Trước ngày 15 tháng đầu tiên của Quý tiếp theo <i>Before the 15th day of the first month of the next Quarter</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	HNX	Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp <i>The Information page on corporate bonds</i>
		Năm <i>Annual</i>	Ngày 25/01 của năm tiếp theo <i>January 25th of the next year</i>		Trước ngày 25/01 của năm tiếp theo <i>Before January 25th of the next year</i>			
22	Báo cáo của tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp <i>Report of the advisor on corporate bond offering</i>	Quý <i>Quarterly</i>	Chậm nhất ngày 15 tháng đầu tiên của Quý sau <i>No later than the 15th of the first month of the next quarter</i>	Ngân hàng đầu tư <i>IB</i>	Chậm nhất ngày 15 tháng đầu tiên của Quý sau <i>No later than the 15th of the first month of the next quarter</i>	Ngân hàng đầu tư <i>IB</i>	SSC	Bản cứng/ <i>Hard copy,</i>
		Năm <i>Annual</i>	Chậm nhất ngày 25/01 của năm tiếp theo <i>No later than January 25th of the next year</i>	Ngân hàng đầu tư <i>IB</i>	Chậm nhất ngày 25/01 của năm tiếp theo <i>No later than January 25th of the next year</i>	Ngân hàng đầu tư <i>IB</i>	SSC	Bản cứng/ <i>Hard copy,</i>





23	Báo cáo của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu <i>Reports of organizations providing bidding, underwriting and bond issuance agent</i>	Quý <i>Quarterly</i>	Chậm nhất ngày 15 tháng đầu tiên của Quý sau <i>No later than the 15th of the first month of the next quarter</i>	Ngân hàng đầu tư <i>IB</i>	Chậm nhất ngày 15 tháng đầu tiên của Quý sau <i>No later than the 15th of the first month of the next quarter</i>	Ngân hàng đầu tư <i>IB</i>	HNX	Bản cứng/ <i>Hard copy</i> , Email Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp <i>The Information page on corporate bonds</i>
		Năm <i>Annual</i>	Chậm nhất ngày 25/01 của năm tiếp theo <i>No later than January 25th of the next year</i>	Ngân hàng đầu tư <i>IB</i>	Chậm nhất ngày 25/01 của năm tiếp theo <i>No later than January 25th of the next year</i>	Ngân hàng đầu tư <i>IB</i>	HNX	Bản cứng/ <i>Hard copy</i> , Email Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp <i>The Information page on corporate bonds</i>
24	Báo cáo FATCA <i>FATCA report</i>	Năm <i>Annual</i>	Chậm nhất ngày 15/8 <i>No later than August 15th</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	Chậm nhất ngày 15/8 <i>No later than August 15th</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	SBV	SBV (Hệ thống/ <i>System</i> ), bản cứng/ <i>Hard copy</i>
25	Báo cáo thường niên <i>Annual report</i>	Năm <i>Annual</i>	20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính <i>20 days from the date of publication of the audited annual financial statements but not to exceed 110 days from the end of the fiscal year</i>	Pháp chế Nhân sự Kế toán Truyền thông QTRR Ban Kiểm soát TGĐ L&C HR F&A PR Risk & Credit Board of Controller CEO	10 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán <i>10 days from the date of publication of the audited annual financial statements</i>	Pháp chế L&C	SSC VNX (Gửi theo dạng CBTT định kỳ) <i>(Send in the form of periodic disclosure)</i>	SCMS CIMS Bản cứng/ <i>Hard copy</i> (SSC)
26	Báo cáo tình hình quản trị <i>Reports on corporate governance</i>	Bán niên	30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm <i>30 days from the end of first 06 months of the year</i>	Kiểm toán nội bộ Ban Kiểm soát Nhân sự	15 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm <i>15 days from the end of first 06 months of the year</i>	Pháp chế L&C	SSC VNX (Gửi theo dạng CBTT định kỳ) <i>(Send in the form of periodic disclosure)</i>	SCMS CIMS Bản cứng/ <i>Hard copy</i> (SSC)
		Năm <i>Annual</i>	30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch <i>30 days from the end of the calendar year</i>	Thư ký Công ty IA Board of Controller HR Company Secretary	15 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch <i>15 days from the end of the calendar year</i>			
27	Báo cáo của Đại diện người sở hữu trái phiếu	Quý <i>Quarterly</i>	Chậm nhất ngày 15 tháng đầu tiên của Quý sau	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	Chậm nhất ngày 15 tháng đầu tiên của Quý sau	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	SSC HNX	SSC: Bản cứng/ <i>Hard copy</i> ,

	<i>Report of the Representative of the bondholder</i>		<i>No later than the 15<sup>th</sup> of the first month of the next quarter</i>		<i>No later than the 15<sup>th</sup> of the first month of the next quarter</i>			HNX: Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp <i>The Information page on corporate bonds</i>
	Năm <i>Annual</i>	Chậm nhất ngày 31/01 của năm tiếp theo <i>No later than January 31<sup>st</sup> of the next year</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	Chậm nhất ngày 31/01 của năm tiếp theo <i>No later than January 31<sup>st</sup> of the next year</i>	Nghiệp vụ <i>BCC</i>	SSC HNX	SSC: Bản cứng/ <i>Hard copy,</i>  HNX: Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp <i>The Information page on corporate bonds</i>	

(\* ) Email gửi tới NFSC được đề cập tại Phụ lục 01 này: [infocenter@nfsc.gov.vn](mailto:infocenter@nfsc.gov.vn) và email của chuyên viên quản lý (nếu có). Trường hợp gửi yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật tới NFSC, gửi yêu cầu tới email: [hotrokythuat@nfsc.gov.vn](mailto:hotrokythuat@nfsc.gov.vn).



**PHỤ LỤC 02  
APPENDIX 02**
**TÓM TẮT DANH MỤC VÀ THỜI HẠN THỰC HIỆN BÁO CÁO, CBTT BẤT THƯỜNG TRONG VÒNG 24 GIỜ  
LIST OF SUMMARY AND TIMELY FOR IMPLEMENTATION OF REPORT AND INFORMATION DISCLOSURE ON AN AD HOC BASIS  
WITHIN 24 HOURS**

Khi công bố thông tin theo danh sách sự kiện được liệt kê dưới đây, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

*When disclosing information according to the list of events listed below, the Company must clearly state the event that occurred, its cause and solutions (if any).*

STT No	Sự kiện Event	Phòng ban cung cấp thông tin Information-providing Department	Bộ phận thực hiện gửi CBTT Department in charge of sending reports and information disclosure
1	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ. <i>Deciding to increase, reduce the charter capital</i>	Thư ký công ty <i>Corporate Secretary</i>	Pháp chế <i>L&amp;C</i>
2	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét. <i>Deciding to contribute the capital to invest in an organization, project, borrow, lend or other transactions with a value of 10% or more of the company's total assets at a most recent audited annual financial statement or a most reviewed semi-annual financial statement</i>	Kế toán <i>F&amp;A</i>	

3	<p>Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).</p> <p><i>Deciding to contribute the capital with a value of 50% or more of a charter capital of an organization (determined according to the charter capital of the organization receiving capital contribution before the time of capital contribution)</i></p>	Kế toán F&A	
4	<p>Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán.</p> <p><i>Upon receiving a decision of the State Securities Commission on sanctioning administrative violations in the field of securities and securities market for the company, its branches; securities practitioners of companies, branches; The General Director (Director), Deputy General Director (Deputy Director) shall be deprived of the right to use the securities practice certificate for a definite time, and the securities practice certificate shall be revoked.</i></p>	BTGD, Pháp chế BOM, L&C	
5	<p>Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh.</p> <p><i>Upon receiving a decision to prosecute, temporarily detain and examine for penal liability related to securities practitioners of the company or its branch</i></p>	BTGD, Pháp chế BOM, L&C	
6	<p>Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động.</p> <p><i>Upon receiving a decision of the State Securities Commission on whether the company falls into a case of warning, control or special control or exits from a situation of warning, control or special control; a decision on operation suspension, operation temporary suspension or termination of the state of operation suspension or operation temporary suspension</i></p>	BTGD, Pháp chế BOM, L&C	





7	<p>Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.</p> <p><i>Upon receiving a decision of the State Securities Commission approving on establishment, closure, on a change of name, location of a branch, a transaction office, a representative office in the country or abroad; on a change of business operation at a branch; on establishment of a subsidiary in a foreign country; on outward portfolio investment</i></p>	BTGD, Pháp chế BOM, L&C	
8	<p>Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh.</p> <p><i>Upon receiving a decision of the State Securities Commission approving on providing online securities trading services; providing or coordinating with credit institutions to provide services for customers to borrow money to buy securities or providing securities lending services; providing or coordinating with credit institutions in providing advance payment services for securities sales; securities depository; securities clearing and settlement; services on the derivative securities market</i></p>	BTGD, Pháp chế BOM, L&C	
9	<p>Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần để trở thành thành viên nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của Công ty.</p> <p><i>Upon completion of share transfer transactions to become a member holding 10% or more of the contributed charter capital of the Company</i></p>	Pháp chế L&C	
10	<p>Khi Công ty tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.</p> <p><i>When the Company voluntarily terminates or stops providing one of securities trading products, services and operations</i></p>	Pháp chế L&C	
11	<p>Khi Công ty bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng.</p>	Giải pháp công nghệ TS	

	<i>When the Company suffers from an information technology problem that affects performance of securities transactions for customers</i>	
12	<p>Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.</p> <p><i>The Company's account at a bank or foreign bank branch is blocked at a competent authority's request or when payment service providers detect signs of fraud or violations of laws related to payment accounts; an account is allowed to operate again after being blocked in the cases specified at this point</i></p>	Kế toán F&A
13	<p>Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.</p> <p><i>When receiving a document from a competent state agency or when the company has a decision on suspending part or all of its business activities; on a change of business registration contents; on revocation of the Certificate of Business Registration; on modification, supplementation or suspension or revocation of the establishment and operation license or the operation license</i></p>	BTGD, Pháp chế BOM, L&C
14	<p>Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên, bao gồm nghị quyết của Hội đồng thành viên, biên bản họp và tài liệu kèm theo.</p> <p><i>Approving a decision of the Council of Members, including resolutions of the Council of Members, meeting minutes and accompanying documents</i></p>	Thư ký công ty Corporate Secretary
15	<p>Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.</p>	Thư ký công ty Corporate Secretary





	<i>Decision on reorganization of the enterprise (dividing, separating, consolidating, merging, transforming the enterprise form), dissolution, bankruptcy of the enterprise; on a change of tax code, change of company name, company seal; on location change; on establishment or closure of the head office, branch, factory, representative office; on promulgation, amendment and supplementation of the Charter; on the company's strategy, medium-term development plan and annual business plan</i>		
16	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký. <i>Deciding to change a accounting period and applicable accounting policy (excepting for a change in applicable accounting policy due to changes in legal regulations); announcing on a auditing firm signed a contract on auditing annual financial statements or on changing the auditing firm (after signing the contract); on cancellation of the signed audit contract</i>	Kế toán F&A	
17	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết. <i>Deciding to contribute capital to the establishment, purchase to increase ownership in a company, leading to that company becoming a subsidiary or associate, or to sell to reduce the percentage of ownership in a subsidiary or associate, resulting in that company no longer being a subsidiary or associate or dissolution of the subsidiary or associate</i>	Thư ký công ty Corporate Secretary	
18	Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty. <i>Decision of the Council of Members to approve contracts and transactions between the Company and its internal or insider persons or affiliated persons</i>	Thư ký công ty Corporate Secretary	
19	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN và SGDCK Bản cung cấp	Nhân sự HR	



	<p>thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.</p> <p><i>The company changes, appoints, re-appoints, and dismisses internal people; receives an insider's resignation letter (it is required to specify the effective date as prescribed in the Law on Enterprises and the company's charter). At the same time, the Company sends to the SSC and SE a copy of the information supply of new insiders according to the form specified in Appendix III issued with Circular No. 96/2020/TT-BTC</i></p>		
20	<p>Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.</p> <p><i>Upon receiving a decision to prosecute against the Company, the company's insiders; a decision on temporary detention and criminal prosecution of internal persons of the Company</i></p>	BTGD, Pháp chế BOM, L&C	
21	<p>Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.</p> <p><i>Upon receiving a legally effective judgment or decision of the Court related to the Company's activities; a decision on sanctioning tax law violation</i></p>	BTGD, Pháp chế BOM, L&C	
22	<p>Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.</p> <p><i>The company receives a notice of the Court accepting a petition to open a bankruptcy procedure</i></p>	BTGD, Pháp chế BOM, L&C	
23	<p>Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.</p> <p><i>When other events occur that have a great influence on production, business or governance of the Company</i></p>	BTGD BOM	
24	<p>Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.</p> <p><i>Obtaining Approval or Delisting from foreign stock exchanges</i></p>	BTGD, Pháp chế BOM, L&C	
25	<p>Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm</p>	Kế toán F&A	





	<p>toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Quy định này.</p> <p><i>In case a audit organization gives an audit opinion or a review conclusion that is not an audit opinion or an unqualified review conclusion on financial statements or retrospectively adjusted financial statements, the company must disclose information about the audit opinion, review conclusion, and results of retrospective adjustment of the financial statements within the time limit specified in Clause 1, Article 15 of this Regulation</i></p>		
26	<p>Trường hợp đặc biệt khác: Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.</p> <p><i>Other special cases: After changing a accounting period, the Company disclosed financial statements for the period between 02 accounting periods of the old fiscal year and the new financial year in accordance with the law on corporate accounting within 10 days from the date that the audit organization signs the audit report but not more than 90 days from the start of the new financial year</i></p>	Kế toán F&A	



**PHỤ LỤC 03**

**APPENDIX 03**

**CÁC LOẠI BÁO CÁO KHÁC**

**OTHER REPORTS**

STT No	Tên báo cáo Report	Hạn nộp báo cáo Submission deadline	Phòng ban cung cấp số liệu, thông tin Providing-Department of data and information	Thời gian cung cấp số liệu, thông tin Time to provide data and information	Bộ phận thực hiện gửi Báo cáo, CBTT Department in charge of sending reports and ID	Nơi nhận báo cáo Agency receiving the report	Hình thức gửi báo cáo Form of the report
1	Khoản 1 Điều 18 Clause 1 Article 18	Ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chính thức hoạt động At least 30 days before the scheduled date of official operation	Giám đốc chi nhánh Director of branch	Ít nhất 45 ngày trước ngày dự kiến chính thức hoạt động At least 45 days before the scheduled date of official operation	Pháp chế L&C	SSC Báo in/ Báo điện tử SSC Print Newspaper / Electronic Newspaper	SCMS, bản cứng Hard copy, SCMS
2	Khoản 2 Điều 18 Clause 2 Article 18	Ngay khi có thay đổi As soon as there is a change		n/a		Website, Văn phòng trụ sở chính, Chi nhánh, Phòng Giao dịch Website, Head Office, Branch, Transaction Office	Website Thông báo tại Văn phòng trụ sở chính, Chi nhánh, Phòng giao dịch. Website Announcement at Head Office, Branch, Transaction Office
	Thời gian thanh toán, phí giao dịch của Công ty. Payment time, transaction fee of the Company.		Nghiệp vụ BCC		Nghiệp vụ BCC		
	Phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, các dịch vụ cung cấp. Các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ. Method of trading, placing orders, margin		QTRR Risk & Credit		QTRR Risk & Credit		





	trading, services on provision. Conditions of provision service, including requirements on margin ratio, loan interest rate, loan term, method of making additional margin orders, portfolio of securities for margin trading.						
	Danh sách những người hành nghề chứng khoán List of securities practitioners		Nhân sự HR		Nhân sự HR		
3	Khoản 3 Điều 18 Clause 3 Article 18	Chậm nhất vào cuối ngày giao dịch No later than the end of the trading day	QTRR Risk & Credit	Trước 17h của ngày giao dịch	QTRR Risk & Credit	Website	Website
4	Khoản 4 Điều 18 Clause 4 Article 18	24 giờ kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi within 24 hours from the time of completing the correction transaction	Nghiệp vụ BCC	n/a	Pháp chế L&C	SSC, VNX	SCMS CIMS
5	Khoản 5 Điều 18 Clause 5 Article 18	Ngày khi có thay đổi As soon as there is a change	Giải pháp công nghệ TS	n/a	Giải pháp công nghệ TS	Website	Website
6	Điểm a Khoản 1 Điều 20 (Tỷ lệ vốn khả dụng) Point a Clause 1 Article 20 (Rate of available capital)	03 ngày làm việc sau ngày 15 và 30 hàng tháng 03 working days after the 15th and 30th of every month	Kế toán F&A	03 ngày làm việc sau ngày 15 và 30 hàng tháng 03 working days after the 15th and 30th of every month	Kế toán F&A	SSC	SCMS
7	Điểm b Khoản 1 Điều 20 (Tỷ lệ vốn khả dụng) Point b Clause 1 Article 20 (Rate of available capital)	Trước 16 giờ ngày thứ sáu hàng tuần Before 4:00 p.m on every Friday	Kế toán F&A	trước 16 giờ ngày thứ sáu hàng tuần Before 4:00 p.m on every Friday	Kế toán F&A	SSC	SCMS
8	Điểm c Khoản 1 Điều 20 (Tỷ lệ vốn khả dụng) Point c Clause 1 Article 20 (Rate of available capital)	Trước 16h hàng ngày Before 4:00 p.m on everyday	Kế toán F&A	Trước 16h hàng ngày Before 4:00 p.m on everyday	Kế toán F&A	SSC	SCMS



9	Khoản 2 Điều 20 (Báo cáo giao dịch trực tuyến) Clause 2 Article 20 (Online transaction report)	Trong vòng bảy (7) ngày làm việc sau khi Công ty thực hiện nâng cấp hoặc thay đổi Within seven (7) working days after the Company makes an upgrade or change	Giải pháp công nghệ TS	Trong vòng năm (5) ngày làm việc sau khi Công ty thực hiện nâng cấp hoặc thay đổi Within five (5) working days after the Company makes an upgrade or change	Pháp chế L&C	SSC	SCMS, bản cứng Hard copy, SCMS
10	Khoản 3 Điều 20 (Báo cáo người hành nghề) Clause 3 Article 20 (Report on practitioners)	02 ngày làm việc kể từ ngày ký kết HĐLĐ hoặc chấm dứt HĐLĐ với người có CCHN. 02 working days from the date of signing the labor contract or terminating the labor contract with the person with the practicing certificate.	Nhân sự HR	Vào cùng ngày ký kết hoặc chấm dứt HĐLĐ On the same day of signing or terminating the labor contract	Pháp chế L&C	SSC	SCMS, bản cứng Hard copy, SCMS
11	Điểm a Khoản 4 Điều 20 (Tỷ lệ vay, đầu tư) Point a Clause 4 Article 20 (Rate of borrowing and investment)	03 ngày làm việc 03 working days	Kế toán F&A	03 ngày làm việc 03 working days	Kế toán F&A	SSC	SCMS
12	Điểm b Khoản 4 Điều 20 (Tỷ lệ vay, đầu tư) Point b Clause 4 Article 20 (Rate of borrowing and investment)	03 ngày làm việc 03 working days	GĐCN, Trưởng phòng giao dịch Director of branch, Head of transaction office	Ít nhất 03 ngày trước ngày khai trương At least 3 days before the opening date	Pháp chế L&C	SSC	SCMS
13	Khoản 5 Điều 20 (Giám sát giao dịch) (Chi tiết xem tại Phụ lục 04) Clause 5 Article 20 (Transaction Supervision) (See Appendix 04 For more details)	24 giờ kể từ khi phát hiện 24 hours since detection	Kiểm soát nội bộ Kiểm toán nội bộ Pháp chế Nghiệp vụ IC IA L&C BCC	04 giờ kể từ khi phát hiện 04 hours since detection	Pháp chế L&C	SSC, VNX	SCMS CIMS
14	Điểm a Khoản 6 Điều 20 (Hoạt động giao dịch ký quỹ) Point a Clause 6 Article 20 (Margin trading activities)	Tối thiểu 15 ngày trước ngày dự kiến chính thức tổ chức triển khai thực hiện At least 15 days before the expected date of official implementation	Giải pháp công nghệ TS	Tối thiểu 20 ngày trước ngày dự kiến chính thức tổ chức triển khai thực hiện At least 20 days before the expected	Pháp chế L&C	SSC	SCMS, bản cứng Hard copy, SCMS





				<i>date of official implementation</i>			
15	Điểm b Khoản 6 Điều 20 (Hoạt động giao dịch ký quỹ) <i>Point b Clause 6 Article 20 (Margin trading activities)</i>	15 ngày kể từ ngày hoàn tất việc thanh lý các Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ <i>15 days from the date of completing the liquidation of Margin Trading Account Opening Contracts</i>	QTRR <i>Risk &amp; Credit</i>	10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc thanh lý các Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ <i>10 days from the date of completing the liquidation of Margin Trading Account Opening Contracts</i>	Pháp chế L&C	SSC	SCMS, bản cứng <i>Hard copy, SCMS</i>
16	Điểm a Khoản 7 Điều 20 (Hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh) <i>Point a Clause 7 Article 20 (Derivative securities trading activities)</i>	24 giờ <i>24 hours</i>	Nghiệp vụ BCC	04 giờ <i>04 hours</i>	Pháp chế L&C	SSC	SCMS, bản cứng <i>Hard copy, SCMS</i>
17	Điểm b Khoản 7 Điều 20 <i>Point b Clause 7 Article 20</i>	24 giờ <i>24 hours</i>	Giải pháp công nghệ TS	04 giờ <i>04 hours</i>	Pháp chế L&C	SSC	SCMS, bản cứng <i>Hard copy, SCMS</i>
18	Điểm c Khoản 7 Điều 20 <i>Point c Clause 7 Article 20</i>	24 giờ <i>24 hours</i>	Kế toán F&A	24 giờ <i>24 hours</i>	Kế toán F&A	SSC	SCMS, bản cứng <i>Hard copy, SCMS</i>
19	Khoản 8 Điều 20 (Hoạt động lưu ký) <i>Clause 8 Article 20 (Securities depository activities)</i>	01 ngày làm việc <i>01 working day</i>	Nghiệp vụ BCC	04 giờ <i>04 hours</i>	Pháp chế L&C	SSC	SCMS, bản cứng <i>Hard copy, SCMS</i>
20	Điểm a Khoản 9 Điều 20 <i>Point a Clause 9 Article 20</i>	24 giờ kể từ khi phát sinh <i>24 hours since the occurrence</i>	Pháp chế L&C	04 giờ kể từ khi phát hiện <i>04 hours since detection</i>	Pháp chế L&C	VNX	Bản cứng <i>Hard copy</i>
21	Điểm b Khoản 9 Điều 20 <i>Point b Clause 9 Article 20</i>	24 giờ kể từ khi phát hiện <i>24 hours since the detection</i>	Kế toán F&A	04 giờ kể từ khi phát hiện <i>04 hours since detection</i>	Pháp chế L&C	VNX	Bản cứng <i>Hard copy</i>
22	Điểm c Khoản 9 Điều 20 <i>Point c Clause 9 Article 20</i>	24 giờ kể từ khi phát sinh <i>24 hours since the occurrence</i>	Nghiệp vụ BCC	04 giờ kể từ khi phát hiện <i>04 hours since detection</i>	Pháp chế L&C	VNX	Bản cứng <i>Hard copy</i>
23	Điểm d Khoản 9 Điều 20 <i>Point d Clause 9 Article 20</i>	24 giờ kể từ khi phát sinh <i>24 hours since the occurrence</i>	Pháp chế Nghiệp vụ L&C BCC	04 giờ kể từ khi phát hiện <i>04 hours since detection</i>	Pháp chế L&C	VNX	Bản cứng <i>Hard copy</i>



24	Khoản 10 Điều 20 <i>Clause 10 Article 20</i>	Chậm nhất vào cuối ngày giao dịch hoặc ngày dự kiến giao dịch <i>No later than the end of the trading day or the expected trading day</i>	QTRR <i>Risk &amp; Credit</i>	Chậm nhất vào cuối ngày giao dịch hoặc ngày dự kiến giao dịch <i>No later than the end of the trading day or the expected trading day</i>	Pháp chế <i>L&amp;C</i>	VNX HNX/HOSE (tùy thuộc nơi cổ phiếu niêm yết/ <i>depending on where the stock is listed</i> )	VNX: CIMS HNX: Bản cứng/ <i>Hard copy</i> HOSE: ECM
25	Báo cáo về phòng, chống rửa tiền <i>AML report</i>  Khoản 11 Điều 20 <i>Clause 11 Article 20</i>	30 ngày kể từ ngày được ký, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung <i>30 days from the day of signing, issuing, or amending, supplementing</i>	Pháp chế <i>L&amp;C</i>	30 ngày kể từ ngày được ký, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung <i>30 days from the day of signing, issuing, or amending, supplementing</i>	Pháp chế <i>L&amp;C</i>	SBV, SSC	SCMS Bản cứng/ <i>Hard copy</i>
26	Khoản 12 Điều 20 <i>Clause 12 Article 20</i>	24 giờ kể từ khi phát hiện <i>24 hours since detection</i>	Ngân hàng đầu tư <i>IB</i>	04 giờ kể từ khi phát hiện <i>04 hours since detection</i>	Pháp chế <i>L&amp;C</i>	SSC HNX	SSC: Bản cứng/ <i>Hard copy</i> , HNX: Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp <i>The Information page on corporate bonds</i>
27	Báo cáo theo yêu cầu (Điều 21) <i>Reports on request (Article 21)</i>	Tùy thuộc theo yêu cầu <i>Depending on request</i>	Tùy thuộc theo yêu cầu <i>Depending on request</i>	Tùy thuộc theo yêu cầu <i>Depending on request</i>	Pháp chế <i>L&amp;C</i>	Tùy thuộc theo yêu cầu	Tùy thuộc theo yêu cầu



**PHỤ LỤC 04  
APPENDIX 04**
**BÁO CÁO GIÁM SÁT GIAO DỊCH BẤT THƯỜNG  
EXTRAORDINARY TRANSACTION SUPERVISION REPORT**

STT No	Tên báo cáo Report	Hạn nộp báo cáo Submission deadline	Phòng ban cung cấp số liệu, thông tin Providing- Department of data and information	Thời gian cung cấp số liệu, thông tin Time to provide data and information	Bộ phận thực hiện gửi Báo cáo, CBTT Department in charge of sending reports and ID	Nơi nhận báo cáo Agency receiving the report	Hình thức gửi báo cáo Form of the report
1	Phát hiện các giao dịch có dấu hiệu là các giao dịch bị cấm theo quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán, cụ thể: <i>Detecting transactions with signs of being banned transactions as prescribed in Article 12 of the Law on Securities, specifically:</i>						
1.1	Trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện hành vi gian lận, lừa đảo, làm giả tài liệu, tạo dựng thông tin sai sự thật hoặc công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin hoặc bỏ sót thông tin cần thiết gây hiểu nhầm nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến hoạt động chào bán, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, cung cấp dịch vụ về chứng khoán. <i>Direct or indirect commission of frauds, forgery of documents, provision or disclosure of false information to conceal true information or omit necessary information in a manner that causes misunderstanding, adversely affects the offering, listing, trading, investment of securities and provision of securities-related services.</i>	Trong vòng 24h kể từ khi phát hiện <i>Within 24 hours of detecting violation</i>	Kiểm soát nội bộ Kiểm toán nội bộ Pháp chế Nghiệp vụ (Tùy thuộc phòng ban nào phát hiện) IC IA L&C BCC <i>(Depending on which department detects)</i>	Ngay khi phát hiện (Vào cùng ngày phát hiện) <i>Immediately upon detection (On the same day of detection)</i>	Pháp chế L&C	VNX	Bản cứng <i>Hard copy</i>
1.2	Sử dụng thông tin nội bộ để mua, bán chứng khoán cho chính mình hoặc cho người khác; tiết lộ, cung cấp thông tin nội bộ hoặc tư vấn cho người khác mua, bán chứng khoán trên cơ sở thông tin nội bộ. <i>Use of internal information to buy or sell securities to oneself or another person; revelation or provision of internal information; advising another person to buy or sell securities based on internal information</i>						
1.3	Sử dụng một hoặc nhiều tài khoản giao dịch của mình hoặc của người khác hoặc thông đồng để thực hiện việc mua, bán chứng khoán nhằm tạo ra cung, cầu giả tạo; giao dịch chứng khoán bằng hình thức cầu kết, lời kéo người khác mua, bán để thao túng giá chứng khoán; kết hợp hoặc sử dụng các phương pháp giao dịch khác hoặc kết hợp tung tin đồn sai sự thật, cung cấp thông tin sai lệch ra công chúng để thao túng giá chứng khoán. <i>Use of one or several accounts of oneself or another person, trading securities in a manner that creates artificial demand or supply; collaborating with another person in trading securities to manipulate securities prices; use of other methods, with or without false information, to manipulate securities prices.</i>						
1.4	Thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ về chứng khoán khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoặc chấp thuận. <i>Engaging in securities trade or provision of securities-related services without a license, certification or approval from SSC</i>						



1.5	Sử dụng tài khoản, tài sản của khách hàng khi không được khách hàng ủy thác hoặc trái quy định của pháp luật hoặc lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của khách hàng. <i>Use of a client's account or asset without the client's authorization or against the law; abuse of trust to appropriate a client's assets.</i>						
1.6	Cho người khác mượn tài khoản để giao dịch chứng khoán, đứng tên sở hữu chứng khoán hộ người khác dẫn đến hành vi thao túng giá chứng khoán. <i>Allowing another person to borrow the account to trade securities, hold securities in the name of another person for the purpose of manipulating securities prices</i>						
1.7	Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán trái quy định của Luật chứng khoán. <i>Organizing the securities market against regulations of Law on Securities</i>						



**PHỤ LỤC 05**  
**APPENDIX 05**

**MẪU CÔNG VĂN CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**DISPATCH TEMPLATE OF EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA  
VIỆT NAM**  
Số: .../202.../CBTT-YSVN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Tp. HCM, ngày ... tháng ... năm 202..

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM**
  - Mã thành viên: 004
  - Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Saigon Centre, 65 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM
  - Điện thoại liên hệ: (+84) 28 3622 6868 Fax: (+84) 28 3915 2728
  - Email: cbtt@yuanta.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:
  - ...
  - ...
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày ... tại đường dẫn: <http://yuanta.com.vn/category/cong-bo-thong-tin>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Tài liệu liên quan đến nội dung công bố

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**  
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**





**PHỤ LỤC 06  
APPENDIX 06**

**MẪU CÔNG VĂN CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ  
DISPATCH TEMPLATE OF PERIODICAL INFORMATION DISCLOSURE**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Chứng khoán Yuanta Việt Nam  
Số: .../202.../CBTT-YSVN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
-----oOo-----

Ngày ... tháng ... năm 202....

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGĐCK)

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
  - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
  - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
  - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

**Công ty TNHH Chứng khoán Yuanta Việt Nam**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Saigon Centre, 65 Lê Lợi, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3622 6868

Fax: 028 3915 2728

Người thực hiện công bố thông tin: ...

Địa chỉ: ...

Điện thoại (di động): ...

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường

theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1) ...

2) ...

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày ... tại đường dẫn của công ty:

<http://yuanta.com.vn/category/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và các tài liệu có liên quan

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN**